

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01. tháng 08. năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bình Dân có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư y tế - Hóa chất năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bình Dân.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Bình Dân.
 - Địa chỉ: Số 371, Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3.
 - Ds. Nguyễn Đức Nghĩa – Điện thoại nội bộ: (0283).832.7714.
 - Địa chỉ email: p.vttbyt.bvbd@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đề nghị Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam gửi bản giấy báo giá có đóng dấu và gửi kèm theo bảng mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế về địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế Bệnh viện Bình Dân. Địa chỉ: Số 371, Đường Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh và đồng thời gửi File Excel báo giá đến địa chỉ email: p.vttbyt.bvbd@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 01 tháng 08 năm 2023 đến trước 16h00 ngày 10 tháng 08 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90, kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục trang thiết bị y tế: (Chi tiết phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Bình Dân - Địa chỉ: Số 371, Đường Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Trân trọng ./.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu: VT-TBYT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Bình Dân

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bình Dân, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh)] thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các Trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STt	STT (trong yêu cầu báo giá) (1)	Danh mục Trang thiết bị y tế (2)	Tên thương mại của Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật (3)	Đơn vị tính	Mã HS (4)	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu) (5)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng (6)	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) (VND) (7)	Ghi chú
1												
2												
3												
n									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..... ngày tháng năm 2023

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (8)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi STT theo đúng yêu cầu ghi tại cột "STT" trong Yêu cầu báo giá.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục Trang thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Tính năng, thông số kỹ thuật theo tài liệu liên quan của Trang thiết bị y tế.

- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá báo giá cho từng Trang thiết bị y tế. Đơn giá ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC
ĐÍNH KÈM CÔNG VĂN MÔI CHÀO GIẢ NGÀY 01. THÁNG. 8. NĂM 2023

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Bông tắm cotton 8*10 cm.	Bông tắm cotton 8*10 cm. Được làm từ 100% bông tự nhiên. Tiệt trùng Đồng đều về kích thước và trọng lượng. Khả năng thấm hút cao và nhanh.	753.484	Miếng
2	Gòn cắt 2cm x 2cm	Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, bông trắng và sạch. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điện Việt Nam.	260	Kg
3	Gòn chích phi 1,5cm	Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100%, trắng mịn. Quy cách: phi 1,5cm.	754	Kg
4	Gòn không thấm nước	Bông không hút nước, dùng trong y tế (chưa tiệt trùng) - nguyên liệu 100% sợi Bông. Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao. Không mùi. 100% bông xơ tự nhiên. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điện Việt Nam. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. Đồng đều về kích thước và trọng lượng. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, bông trắng và sạch.	7	Kg
5	Gòn se phi 2,5cm	Dùng dịch khử trùng dung cụ Didecylidimethyl ammonium chloride + Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt. Làm sạch và khử khuẩn dung cụ y tế pH = 6.6-7.6 Thời gian tiếp xúc từ 5 phút diệt virus HIV-1, HBV, HCV trong 5 phút. Nồng độ sử dụng 0,5%.	195	Kg
6	Dung dịch khử khuẩn dung cụ mức độ trung bình	Dùng dịch khử khuẩn dung cụ ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, pH 7.2-7.8, thời gian ngâm 5 phút, không gây ăn mòn, có que thử nhận biết đổi màu rõ ràng.	681	Can/ 5 lít
7	Dung dịch khử khuẩn dung cụ ORTHO-PHTHALALDEHYDE	Thành phần: acid peracetic khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Tải sử dụng trong vòng 14 ngày, có kèm test kiểm tra nồng độ acid peracetic	2.496	Can/ 3,78 lít
8	Dung dịch khử khuẩn dung cụ mức độ cao.	Diệt virus, bào tử: 5 phút, tương thích với máy rửa nội soi Olympus (không trào bọt)	2.075	Can/ 5 lít

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
9	Dung dịch rửa tay phẫu thuật thủ thuật chứa Chlorhexidine gluconate 4%	Dung dịch rửa tay diệt khuẩn: Chlorhexidine Gluconate 4%. Diệt khuẩn, nấm, hiệu quả trên virus, vi khuẩn đa kháng MRSA, ESBL, Acinetobacter baumannii...	6.978	Chai/500ml
10	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh Chlorhexidine gluconate 0,5%, Alpha-terpineol 0,5%	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh Chlorhexidine gluconate 0,5%, Alpha-terpineol 0,5%	3.401	Chai/500ml
11	Viên nén khử khuẩn dạng sủi tan nhanh trong nước 50% Sodium Dichloroisocyanurate 2,5g.	Khử khuẩn tường, sàn, giường bệnh... và các bề mặt nhiễm khuẩn, ngâm rửa và khử khuẩn dụng cụ y tế, hạn chế việc lây nhiễm chéo. Phổ kháng khuẩn rộng, chống lại tất cả các vi sinh vật bao gồm : HIV, Hepatitis B, Herpes viruses, trực khuẩn lao.	31.889	Viên
12	Dung dịch chống đông máu trên dụng cụ sau phẫu thuật.	- pH tương đương 7,8 - Bấm vào dụng cụ để duy trì độ ẩm, chống đông máu trên dụng cụ phẫu thuật lên đến 72 giờ trong quá trình vận chuyển. - Tương thích với hầu hết dụng cụ phẫu thuật.	260	Chai/ 650ml
13	Dung dịch khử khuẩn bề mặt.	Dung dịch khử khuẩn bề mặt Didecyl(dimethylammonium Chloride + Polyhexamethylene biguanide Chlorhydrate. Không màu, không mùi. Phổ diệt khuẩn, diệt lao, hiệu quả trên virus chỉ từ 15 phút. Tương thích với hầu hết chất liệu bề mặt và thiết bị.	198	Chai/1 Lít
14	Dung dịch rửa tay thủ thuật thường quy Chlohexidine gluconate 2%.	Dung dịch rửa tay thủ thuật thường quy Chlohexidine gluconate 2%.	923	Can/5 lit
15	Dung dịch rửa vết thương.	Dung dịch Betaine 0,1% và Polyhexanide 0,1% được sử dụng để làm sạch, làm ẩm và phòng ngừa nhiễm khuẩn trong những vết thương cấp tính và mạn tính, không gây ức chế mô hạt, không gây độc tế bào.	260	Chai 350ml
16	Dung dịch sát khuẩn da nhanh, dạng xịt.	Dung dịch sát trùng da nhanh, chứa povidone iodine, sopropyl alcohol, dạng chai xịt 250ml.	260	Chai 250ml
17	Dung dịch sát khuẩn tay Can/10L	Dung dịch sát khuẩn tay có thành phần: Ethanol 96%, Glycerin, Methyl Hydroxybenzoat, Propyl Hydroxybenzoat, Hương hoa hồng, nước tinh khiết. Can/10 lit	1.531	Can/10 lit

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
18	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ sử dụng được cho máy rửa khử khuẩn, máy rửa dụng cụ ống nội soi và máy rửa dụng cụ robot (DaVinci).	Sử dụng được cho máy rửa khử khuẩn, máy rửa dụng cụ ống nội soi và máy rửa dụng cụ robot (DaVinci). Thành phần: - Sodiummono (2-ethylhexyl) sulphate - Không chứa photphat và silicat. - Tương thích với máy rửa Belimed. - Dung dịch chứa: chất hoạt động bề mặt anionic, chất hoạt động bề mặt không ion, polycarboxylates, phosphonates, enzymes, chất ức chế ăn mòn, tá dược.	156	Can/ 10 lít
19	Gel sát khuẩn, làm sạch và cân bằng âm vết thương.	Thành phần Betaine 0,1% và Polyhexanide 0,1% glycerin và hydroxyetyl cennuloza dạng gel được sử dụng để làm sạch, làm ẩm và phòng ngừa nhiễm khuẩn trong những vết thương cấp tính và mạn tính, không gây ức chế mô hạt, không gây độc tế bào.	273	Chai 30 ml
20	Hóa chất rửa quả lọc thận nhân tạo.	Hóa chất rửa quả lọc thận nhân tạo thành phần : Hydrogen Peroxide 26,53%, Acetic Acid 7,83%, Peracetic Acid 5,0%	31	Can/SLít
21	Băng keo cá nhân (6cm x 2cm) ±10%	Kích thước (6 cm x 2cm) ±10%. Băng vải co giãn. Gạc: có 1ơ màng trên cùng bằng Polyethylene không gây dính.	457.739	Miếng
22	Băng keo thun (10cm x 4,5m) ±10%	Băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide, lực dính tốt, co giãn tốt.	490	Cuộn
23	Băng keo lụa có lõi (2,5cm x 5m) ±10%	Vải lụa, keo oxyd kẽm không dùng dung môi, dính tốt, không gây dị ứng, dễ xé ngang dọc.	62.665	Cuộn
24	Băng keo cuộn co giãn (10cm x 10m) ±10%.	- Làm từ vải không đàn dẹt, co giãn rất tốt - Lớp keo thân thiện với da, không gây dị ứng, không để lại vết bám dính. - Cấu trúc có những lỗ nhỏ đan xen giúp thoáng khí và hơi nước. - Kích thước: (10cm x 10m) ±10%.	1.170	Cuộn
25	Băng keo y tế co giãn 75mm x 4,5m ±10%	Băng thun co giãn và tự dính, độ ép vừa đủ nên không gây chèn ép sau khi băng Kích thước : 7,5cm x 4,5m	195	Cuộn
26	Băng keo có gạc vô trùng (100mm x70mm) ±10%	Băng keo có gạc vô trùng (100x70)mm ±10%: Băng vải không dẹt, co giãn, thông thoáng, Keo không dị ứng, Gạc thấm hút mạnh với màng PE không gây dính vết thương, tiết trùng.	5.200	Miếng
27	Băng keo có gạc vô trùng (150x70)mm ±10%	Băng keo có gạc vô trùng (150x70)mm ±10%: Băng vải không dẹt, co giãn, thông thoáng, Keo không dị ứng, Gạc thấm hút mạnh với màng PE không gây dính vết thương, tiết trùng.	16.809	Miếng

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
28	Gạc bao gòn 10cm x 25cm, gòn dày 1cm.	1 lớp bông 100% bông xơ tự nhiên được bọc ngoài bởi 1 lớp gạc hoặc vải không dệt. Chưa tiết trùng Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thích hợp khi được dùng để thay băng thường xuyên.	2.600	Miếng
29	Gạc bao gòn 8cm x 12cm	1 lớp bông 100% bông xơ tự nhiên được bọc ngoài bởi 1 lớp gạc hoặc vải không dệt. Chưa tiết trùng Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Được dùng để thay băng thường xuyên.	780.000	Miếng
30	Gạc bụng 30cm x 40cm, 10 lớp	Được làm từ 100% sợi cotton. Tiết trùng. Có sợi cản quang. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Được may bốn góc và có dây quai. Thân thiện môi trường, gạc trắng và sạch. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.	52.000	Miếng
31	Gạc bụng 40cm x 40cm, 6 lớp	Được làm từ 100% sợi cotton. Tiết trùng Có sợi cản quang. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Được may bốn góc và có dây quai. Thân thiện môi trường, gạc trắng và sạch. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.	78.000	Miếng
32	Gạc dẫn lưu 1cm x 200cm x 4 lớp tiết trùng	Thành phần của vải không dệt gồm polyester chiếm khoảng 70% và viscose chiếm khoảng 30%, không mùi, đã tiết trùng.	5.200	Cuộn
33	Gạc mèche 2cm x 30cm x 6 lớp có cản quang, tiết trùng.	Gạc y tế/ Gạc dẫn lưu/ Gạc ép sọ não làm từ vải không dệt ngấm, thành phần nguyên liệu là Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose (hoặc hợp chất tương tự), được tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn 9001:2015; ISO 13485:2016	153.400	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
34	Gạc MECHE 2cm x 30cm, tiệt trùng	Gạc dẫn lưu được làm từ vải không dệt để thấm hút dịch vết thương, không mùi, tiệt trùng. Được làm từ 100% sợi cotton. Tiệt trùng Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, gạc trắng và sạch. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.	153.400	Miếng
35	Gạc miếng 5cm x 5cm, 8 lớp, tiệt trùng	Được làm từ 100% sợi cotton. Chưa tiệt trùng. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, gạc trắng và sạch. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.	910.000	Miếng
36	Gạc miếng 5cm x 5cm, 8 lớp	Được làm từ 100% sợi cotton. Chưa tiệt trùng. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, gạc trắng và sạch. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.	910.000	Miếng
37	Gạc vuông 10cm x 10cm, 8 lớp, tiệt trùng	Được làm từ 100% sợi cotton. Tiệt trùng Có sợi cản quang. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, gạc trắng và sạch. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.	780.000	Miếng
38	Gạc vuông 10cm x 10cm, 8 lớp	Được làm từ 100% sợi cotton. Tiệt trùng Có sợi cản quang. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, gạc trắng và sạch. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.	780.000	Miếng
39	Miếng dán sắt khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate.	Miếng dán sắt khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate, đường kính 2,5cm. Phóng thích Chlorhexidine trong vòng 7 ngày, thấm hút dịch gấp 8 lần trong lượng của miếng.	1.755	Miếng

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
40	Bột cầm máu tự tiêu Polysaccharide 1g (kèm vòi bơm dài 10cm).	<p>Là bột polysaccharide có nguồn gốc hoàn toàn từ thực vật, tương thích sinh học, không gây sốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính ưa nước rất mạnh, Sau 90s đầu tiên: hấp thụ nước đến 2.5ml/0.05g - Bột có độ bám dính màng liên kết gần 30grams - Dùng trong các phẫu thuật: Tai mũi họng, Tim mạch, Mạch máu, Tiết niệu, Thần kinh, Cột sống, Phụ khoa và Phẫu thuật chung - Không bị sưng nề mô sau phẫu thuật, không hình thành bầm dính. Nhanh chóng bị phân hủy bởi amylase và glucoamylase, Tiêu biến hoàn toàn sau 48 giờ. 	52	Gói
41	Bột cầm máu tự tiêu Polysaccharide 3g (kèm vòi bơm dài 10cm)	<p>Là bột polysaccharide có nguồn gốc hoàn toàn từ thực vật, tương thích sinh học, không gây sốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính ưa nước rất mạnh, Sau 90s đầu tiên: hấp thụ nước đến 2.5ml/0.05g - Bột có độ bám dính màng liên kết gần 30grams - Dùng trong các phẫu thuật: Tai mũi họng, Tim mạch, Mạch máu, Tiết niệu, Thần kinh, Cột sống, Phụ khoa và Phẫu thuật chung - Không bị sưng nề mô sau phẫu thuật, không hình thành bầm dính. Nhanh chóng bị phân hủy bởi amylase và glucoamylase, Tiêu biến hoàn toàn sau 48 giờ 	39	Gói
42	Keo dán da 2-octyl cyanoacrylate dùng ngoài cơ thể.	Keo dán da 2-octyl cyanoacrylate, dùng ngoài cơ thể. Ống 0,5ml.	156	Ống 0,5ml
43	Keo dán sinh học bịt kín lỗ hở chân chi khâu.	- Keo dán phẫu thuật bao gồm 2 polyethylene glycol tổng hợp (PEGs), sau khi hòa trộn, hóa thành hydrogel bám dính với các mô và vật liệu cấy ghép tổng hợp, giúp bịt kín lỗ hở chân chi khâu, ngăn ngừa chảy máu hậu phẫu và chống dính ở các vùng có nguy cơ hình thành kết dính sau phẫu thuật.	26	Bộ
44	Vật liệu cầm máu bằng collagen tự tiêu 5cm x 8cm.	Vật liệu cầm máu bằng collagen tự tiêu 5cm x 8cm.	1.300	Miếng
45	Vật liệu cầm máu bằng gelatin, tự tan 7cm x 5cm x 1cm.	Vật liệu cầm máu bằng gelatin dạng bột xộp tiết trung, tự tan 7cm x 5cm x 1cm.	3.120	Miếng

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
46	Bộ bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	Ông bơm thuốc cân quang 2 nòng/200ml dùng cho máy Medrad Stellant. Chịu áp lực cao 400psi, luer lock. Nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Chất liệu Polyethylene Terephthalate an toàn, không DEHP Bộ đóng gói gồm 2 bơm tiêm, 1 ống hút, 1 dây nối chữ T chống xoắn dài 150cm, luer lock Đồng bộ với máy Medrad Stellant, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc. Tiệt khuẩn. (hoặc tương đương).	520	Bộ
47	Bộ bơm tiêm thuốc cân từ 2 nòng 65/115 dùng cho máy Medrad Spectris Solaris EP.	-Ông bơm thuốc cân từ 2 nòng dùng cho máy Medrad Spectris Solaris EP. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock. Nạp thuốc bằng spike. Chất liệu Polyethylene Terephthalate an toàn, không DEHP Bộ đóng gói gồm 1 bơm tiêm cân từ 65ml đường kính trong 2,7cm, 1 bơm tiêm nước muối 115ml đường kính trong 3,6cm, 2 spike, 1 dây nối chữ T chống xoắn dài 150cm, luer lock Đồng bộ với máy Medrad Spectris Solaris EP, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc. Tiệt khuẩn. -Hoặc tương đương.	390	Bộ
48	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1cc + Kim 26Gx1/2"; 25Gx5/8"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, gắn kim 26Gx1/2", 25Gx5/8" (kim sắc bén, không bị oxi hóa). Sản phẩm đóng gói riêng, vô trùng.	111.998	Cái
49	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3cc + Kim 23G; 25Gx1"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 3ml, gắn kim 25Gx1", 23Gx1", 25Gx5/8" (kim sắc bén, không bị oxi hóa). Sản phẩm đóng gói riêng, vô trùng.	29.133	Cái
50	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5cc + Kim 23G; 25Gx1"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 5ml, gắn kim 25Gx1", 23Gx1", 25Gx5/8" (kim sắc bén, không bị oxi hóa). Sản phẩm đóng gói riêng, vô trùng.	930.829	Cái
51	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20cc + Kim 23G; 25Gx1"	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 20ml, gắn kim 23G;25G x 1" (kim sắc bén, không bị oxi hóa). Sản phẩm đóng gói riêng, vô trùng.	195.282	Cái
52	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50cc đầu lớn	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml, đầu lớn lắp vừa dây cho ăn. Sản phẩm đóng gói riêng, vô trùng.	34.949	Cái
53	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50cc đầu nhỏ	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml, đầu nhỏ lắp vừa kim tiêm. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng,	105.908	Cái
54	Kim lấy máu đầu ngón tay Lancet	Kim lấy máu đầu ngón tay Lancet	650	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
55	Kim luân tĩnh mạch có cánh, có cửa các số 18G, 20G, 22G, 24G	Kim luân tĩnh mạch có cánh, có cửa các số 18G, 20G, 22G, 24G: Đầu kim cắt xiên 3 mặt vát, phủ silicone. Thân kim trong suốt để nhìn thấy máu chảy ngược.	219.964	Cái
56	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần các số 18G, 20G, 22G, 23G, 25G, 26G	Đế kim được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Cỡ kim 18G, 20G, 22G, 23G, 25G, 26G (kim sắc bén, không bị oxi hóa). Đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng.	896.106	Cái
57	Kim đốt sóng cao tần RFA đơn cực các cỡ tương thích với máy đốt cao tần RFA Cooltip, đầu kim thẳng và nhọn. Thân kim dài 10cm, 14.4cm, 15cm, 20cm và 25cm. Chiều dài đầu điện cực 0.7cm, 1cm, 2cm, và 3cm.	Kim đốt sóng cao tần RFA đơn cực các cỡ tương thích với máy đốt cao tần RFA Cooltip, đầu kim thẳng và nhọn. Thân kim dài 10cm, 14.4cm, 15cm, 20cm và 25cm. Chiều dài đầu điện cực 0.7cm, 1cm, 2cm, và 3cm.	52	Cái
58	Kim gây tê tùy sóng các số 18G/20G/22G/25G/27G x 3 1/2"	Kích cỡ: 18G/20G/22G/25G/27G x 3 1/2" Chất liệu: bằng nhựa Polypropylene (PP), đầu kim với 3 mặt vát, sắc bén; chuôi kim trong suốt có lăng kính pha lê phản quang giúp nhận biết nhanh và dễ dàng khi dịch nãu tùy chảy ra.	36.598	Cái
59	Nút chặn kim luân Luer lock	Nút chặn kim luân Luer lock, chất liệu ABS, đóng gói tiệt trùng từng cái.	235.131	Cái
60	Ống thông đốt sóng cao tần RF điều trị suy tĩnh mạch hiển lớn.	Điện cực điều trị giãn tĩnh mạch hiển đường kính 6-18mm. Kích cỡ: đường kính kim 0.5mm, chiều dài kim 50mm, chiều dài ống thông 1190mm. Chất liệu: kim loại, lớp PTFE phủ ngoài.	130	Cái
61	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch (bao gồm: sợi quang- đầu đốt, ống thông laser nội mạch, kim).	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch gồm sợi quang, bề mặt lõi hình cầu. Ống thông laser nội mạch: kim 21G, cây nong 4F 10cm, dây dẫn 45cm. Tương thích máy Venacure 1470.	234	Bộ
62	Kim chọc dò đường mật 16G.	Kim chọc dò đường mật - Chất liệu: PTFE (Polytetrafluoroethylene) - Kích thước: 16G - Chiều dài: 160mm - Đường kính ngoài: 1,7mm - Đóng gói tiệt khuẩn	65	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
63	Kim chọc hút nang giả tụy trong nội soi siêu âm	<p>Kim chọc hút nang giả tụy trong nội soi siêu âm bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ chọc hút dịch nang giả tụy, giải áp áp xe nang giả tụy. - Kim đầu vát, đuôi kim cắt chéo lấy mô tốt - Tay cầm Ergonomic, vòng điều chỉnh chiều dài kim - Tự uốn cong khi rút khỏi kim, ống hút áp lực âm, bề mặt chấm hiển thị hình ảnh tốt, tương thích với tất cả các ống nội soi siêu âm. - Thân kim dạng vòng quán giãm ma sát, mềm mại. - Chiều dài kim tự điều chỉnh 0-8cm, đường kính kim 25-22-20-19 G, kênh làm việc 2, 2.4 và 3,7mm 	13	Cái
64	Kim chọc hút siêu âm các cỡ.	<p>Kim chọc hút siêu âm các cỡ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim đầu vát, đuôi kim cắt chéo - Tay cầm Ergonomic, vòng điều chỉnh chiều dài kim - Tự uốn cong khi rút khỏi kim, ống hút áp lực âm, tương thích với tất cả các ống nội soi siêu âm. - Thân kim dạng vòng quán - Chiều dài kim tự điều chỉnh 0-8cm, đường kính kim các cỡ, kênh làm việc 2, 2.4 và 3,7mm. 	7	Cái
65	Kim động mạch đùi 18G, đường kính 1,3mm, dài 70mm.	Kim động mạch đùi. Đường kính 1.3mm, dài 70mm. Để dàng đưa Guide Wire đường kính 0.038"/0.97 mm. Đóng gói riêng lẻ và vô trùng	65	Cái
66	Kim đốt vi sóng 14cm	Kim đốt cỡ 14cm- 15g. Đầu kim bằng ceramic. Có kênh làm lạnh với cặp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành. Tương thích với máy Solero MTA system.	39	Cái
67	Kim đốt vi sóng 19cm.	Kim đốt cỡ 19cm- 15g. Đầu kim bằng ceramic. Có kênh làm lạnh với cặp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành. Tương thích với máy Solero MTA system.	65	Cái
68	Kim gây tê đám rối thần kinh, các cỡ.	Kim gây tê đám rối thần kinh, mặt vát 30 độ, các cỡ.	1.560	Cái
69	Kim sinh thiết bán tự động (kèm kim dẫn đường) các cỡ	Kim sinh thiết bán tự động, chiều dài 10-25cm, đường kính 14-20G, chiều dài mô cắt 15mm và 22mm, có kèm kim dẫn đường.	520	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
70	Kim sinh thiết siêu âm FNB, FNA dùng cho lấy sinh thiết u trong nội soi siêu âm, số 22G.	Kim sinh thiết lấy mô FNB, FNA dùng cho lấy sinh thiết u trong nội soi siêu âm bao gồm: - Kim đầu vát, đầu kim cắt chéo - Tay cầm Ergonomic, vòng điều chỉnh chiều dài kim - Tự uốn cong khi rút khỏi kim, ống hút áp lực âm, tương thích với tất cả các ống nội soi siêu âm. - Thân kim dạng vòng xoắn - Chiều dài kim tự điều chỉnh 0-8cm, đường kính kim 22G, kênh làm việc 2, 2.4 và 3,7mm	13	Cái
71	Bộ dây dẫn dùng cho máy K924 (hoặc tương đương).	Bộ dây nuôi ăn chất liệu trong suốt, không chứa DEHP, tương thích với máy cho ăn K924.	390	Bộ
72	Khóa 3 ngã không dây	Chất liệu bằng nhựa polycarbonate tại thân chống nứt gãy rò rỉ, khóa vận trơn láng không bị rít, xoay 360 độ dễ dàng, chịu áp lực cao >2 bar, đóng gói vô trùng từng cái.	28.213	Cái
73	Khóa 3 ngã có dây 25cm	Khóa 3 ngã, dây dài đến 25cm. Chất liệu: dây mềm có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn. Chống nứt gãy và chịu áp lực cao. Dây nối và khóa vận bằng trơn láng không bị rít, khớp với dây truyền dịch.	214.249	Cái
74	Khóa 3 ngã có dây 100cm	Khóa 3 ngã, dây dài đến 100cm. Chất liệu: dây mềm có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn. Chống nứt gãy và chịu áp lực cao. Dây nối và khóa vận bằng trơn láng không bị rít, khớp với dây truyền dịch.	34.632	Cái
75	Dây nối bơm tiêm tự động 140cm.	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 140cm, tiết trùng.	41.538	Cái
76	Găng tay hút đàm tiết trùng.	Chất liệu bằng nhựa Polymer, đóng gói tiết trùng từng cái. Thuận tiện khi đeo vào thao tác hút đàm cho bệnh nhân	13.195	Cái
77	Găng khám bệnh có bột các cỡ	Găng khám bệnh có bột các cỡ (Latex dùng trong y tế).	2.750.371	Đôi
78	Găng phẫu thuật tiết trùng có bột các cỡ	Găng phẫu thuật Latex tiết trùng có bột các cỡ * Kích thước 12 x 75mm. Nắp nhựa. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%. * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	681.911	Đôi
79	Ống nghiệm lấy máu kháng đông Citrat.		111.670	Tube

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tình năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
80	Ông nghiệm lấy máu kháng đông Heparin.	Kích thước 12 x 75mm. Nắp nhựa. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin lithium Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	173.940	Tube
81	Ông nghiệm nhựa PS lấy máu không nắp 5ml.	*Kích thước 12 x 75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp. *Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong.	421.980	Ông
82	Lọ nhựa đựng mẫu PS tiết trùng 50ml, có nắp, có nhãn.	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Tiết trùng.	77.350	Lọ
83	Túi chứa dẫn lưu dịch, có thể kết nối với ống dẫn lưu mật ra da.	Túi chứa dẫn lưu dịch, chất liệu bằng PVC, có thể kết nối với ống dẫn lưu mật ra da, tiết trùng.	4.290	Cái
84	Túi chứa nước tiểu 2000ml có dây treo.	Dung tích: 2.000 ml. Có quai treo, vạch chia dung tích, nút xả, không bị rỉ nước. Tiết trùng.	68.221	Cái
85	Túi dẫn lưu niệu chống loét	Túi dẫn lưu niệu chống loét kèm đế, loại xả, có thể kết nối túi đựng.	65	Cái
86	Túi đựng nước tiểu sử dụng kèm với đế.	Túi 2 ngăn có van chống trào ngược. Khóa vòi xoay.	130	Cái
87	Túi ép tiết trùng loại Tyvek 200mm x 70m	Cấu tạo bằng 100% polyethylene, thuộc chủng loại Tyvek Tương thích với hệ thống tiết khuẩn Sterrad. Có chỉ thị hóa học chuyển màu trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Rộng: 200 mm, dài: 70 m	312	Cuộn
88	Túi ép tiết trùng loại Tyvek 420mm x 70m.	Cấu tạo bằng 100% sợi polyethylene, thuộc chủng loại Tyvek Tương thích với hệ thống tiết khuẩn Sterrad. Có chỉ thị hóa học chuyển màu trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Rộng: 420 mm, dài: 70 m	234	Cuộn
89	Túi nuôi ăn 1000ml loại thường	Túi nhựa 1.000ml có chia vạch , mỗi vạch 100ml, có nắp, phần dưới có co nối truyền vào bầu chứa thức ăn để nhỏ giọt vào dây dẫn có con lăn điều chỉnh giọt như dây truyền dịch.	2.761	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
90	Ống thông tiểu 2 nhánh (Foley), có bóng các số (12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28)	Ống thông tiểu 2 nhánh có bóng hãm 30cc các số (12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28): Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Silicone giảm kích ứng, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. Tráng silicone trong lòng ống. Bóng chèn chắc chắn và cân đối. Valve bơm bóng có lò xo đảm bảo độ ổn định cả khi bơm và xả.	52.036	Cái
91	Bộ nong cho đại tràng, thực quản, dạ dày các cỡ.	Bộ nong cho thực quản các cỡ. Tương thích dây dẫn hướng kim loại nong thực quản sử dụng nhiều lần.	1	Bộ
92	Cannulae động mạch vành cỡ 14Fr (4.7mm)	Cannulae động mạch vành cỡ 14 Fr (4.7 mm) với thiết kế thân bằng thép không gỉ để uốn cong trong quá trình sử dụng.	7	Cái
93	Cannulae hút tim trái có thông khí cỡ 16Fr	Cannulae hút tim trái có thông khí cỡ 16 Fr với đầu có 20 lỗ thông dài 40,6 cm.	13	Cái
94	Cannulae tĩnh mạch 1 tầng mũi conng, các cỡ, co nối 1/4 và 3/8.	Cannulae tĩnh mạch 1 tầng mũi conng đầu kim loại xiên góc có lỗ thông và thân chống xoắn các cỡ, co nối 1/4 và 3/8 dài 35.6 cm.	13	Cái
95	Canule trực tràng.	Canule trực tràng Chất liệu PVC y tế.	1.300	Cây
96	Giá đỡ ống soi mềm các cỡ.	Được làm bằng nhựa Polyurethane. Ống giúp làm cho niệu quản giãn nở và sử dụng liên tục, dùng để chống lại đoạn gấp khúc niệu quản. Đường kính trong của ống cỡ 9Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr dài 45cm, tiết trùng và sử dụng 1 lần	26	Bộ
97	Ống thông dạ dày các số	Ống thông dạ dày các số (6, 8, 10, 12, 14, 16, 18). Chất liệu nhựa y tế, Dây có chiều dài ≥ 120 cm, có cân quang suốt chiều dài ống. Đảm bảo vô khuẩn. Không quá cứng hoặc quá mềm, có chia vạch. Ống trơn láng, không sần sùi hay dập nứt.	17.074	Cái
98	Ống thông niệu quản có lỗ các số	Ống thông niệu quản đầu thẳng, có lỗ, dài 70 cm, các cỡ số 6 Fr, số 7 Fr	2.876	Cái
99	Ống thông nội khí quản có bóng các số.	Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Đóng gói riêng, tiết trùng.	28.518	Cái
100	Ống thông nội khí quản có lỗ hút đàm trên bóng các số.	Ống bằng PVC không chứa latex, phù hợp với đường cong khí quản; mũi đầu ống bo tròn lại có dây cân quang trên thân ống cong hình U luồn mũi, có chia vạch, trên thân có 2 vạch gần bóng giúp định vị điểm dừng an toàn; loại bóng tròn (bóng dung tích lớn, áp lực thấp), cổ định tốt ống NKQ trong khí quản; tiết trùng từng cái.	390	Cái
101	Ống thông Nội khí quản lò xo có bóng các số.	Không chứa latex, độ cong phù hợp với đường cong khí quản; lớp lò xo bên trong mảnh nhưng dẻo để uốn; đầu ống được bo lại; thân ống có chia vạch, có 2 vạch gần bóng; bóng HVLP (high volume, low pressure), tiết trùng từng cái.	3.900	Cái
102	Dây dẫn lưu Penrose tiết trùng.	Chất liệu cao su tự nhiên Latex. Tiết trùng.	7.813	Sợi

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
103	Dây hút đàm các số (6, 8, 10, 12, 14, 16)	Dây hút đàm các số (6, 8, 10, 12, 14, 16): Chất liệu nhựa PVC y tế không chứa DEHP, độ dài dây dẫn 500mm, tron láng, đầu dây được bo tròn, không có cạnh sắc, có van kiểm soát. Tiết trùng từng cái.	46.029	Cái
104	Dây oxy 2 nhánh size người lớn, trẻ em	Dây oxy 2 nhánh size người lớn, trẻ em: Chất liệu bằng nhựa PVC không chứa DEHP chiều dài dây dẫn chính 2m, không gây kích ứng. Đóng gói tiết trùng từng cái.	66.602	Cái
105	Ông nối hút dịch số 28	Chất liệu nhựa PVC y tế. Bề ngoài dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai đàn hồi, chịu áp lực cao. Không chứa DEHP, dài 2m đường kính ngoài ống: 7,7; 9,9;10,6mm, đường kính trong ống :5; 6,3; 7 mm, có 2 đầu nối tương thích với máy hút dịch tại Bệnh viện.	23.036	Cái
106	Ông thông phổi các số.	Ông thông phổi các số 16; 20; 24; 28; 32. Chất liệu: nhựa PVC trung tính (mềm hơn khi vào cơ thể người). không gây kích ứng, dài 38 – 40 cm trên thân có khấc vạch 5 – 10 – 15 cm.	650	Cái
107	Bộ dây chày thân nhân tạo cho máy thân online HDF 5008S	Bộ dây lọc máu cho máy Online HDF bao gồm Dây động mạch, dây tĩnh mạch và dây an toàn, chất liệu tương hợp với máu và phần ứng độc tế bào thấp, không có DEHP.	130	Bộ
108	Ông nối nội khí quản với dây máy thở (Catheter mount).	Chất liệu nhựa PVC y tế, đường kính 22mm. Đầu nối 15mm. Co nối cong. Lỗ hút đầu ống. Ông có thể co giãn, có thể kéo dài để phù hợp yêu cầu của thầy thuốc. Đầu ống tiêu chuẩn phù hợp với tất cả các loại ống nội khí quản và dây máy thở, có lỗ hút dịch giúp chăm sóc hút đờm rãi cho bệnh nhân mà không phải ngắt ống nội khí quản, có lỗ lấy mẫu khí để đo nồng độ nồng độ khí khi cần thiết. Ông nhựa trong giúp dễ quan sát tình trạng bệnh nhân. Tiết trùng, dùng một lần.	1.690	Cái
109	Bộ dây dẫn máu tuần hoàn cơ thể dùng cho bộ tìm phổi nhân tạo các cỡ	Bộ dây dùng cho bộ tìm phổi nhân tạo phù hợp với thiết bị hiện có của bệnh viện, chất liệu silicone và nhựa PVC y khoa. được tiết trùng	20	Bộ
110	Dây nối kẹp lưỡng cực các cỡ	Chiều dài dây \geq 4m, loại dẻo không bị hiệu ứng nhớ. Lõi dây kim loại được thiết kế bên xoắn chặt. Vỏ dây bằng silicone không gây dị ứng. Dây nối có thể hấp tiết trùng.	13	Cái
111	Kẹp đốt lưỡng cực chống dính, dài 22 cm, tip 0.7 mm.	Đầu đốt chống dính ngăn cản hiện tượng quá nhiệt khi đốt. Đầu đốt thiết kế vi cấu trúc (micro-structure) cải thiện khả năng giữ chặt mô khi kẹp. Khớp nối có tính năng định hướng độ khép chính xác giữa hai đầu tip, hỗ trợ lực đàn hồi mạnh cho bóc tách mô. Kẹp đốt có thể hấp tiết trùng. Cán cong	13	Cái
112	Ông nối bơm nước dùng trong máy đo niệu động học.	Ông nối bơm nước dùng trong máy đo niệu động học.	156	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
113	Catheter Ống đo áp lực bàng quang 2 đường 8Fr dùng cho máy đo niệu động học.	Catheter 2 đường dùng trong máy đo niệu động học. Đường kính ống 8Fr. Nguyên liệu PVC hoặc Polyurethane.	325	Cái
114	Catheter động mạch đùi/quay 20G	Dụng cụ mở đường động mạch 20G chất liệu thép không rỉ, thiết kế dùng cho kỹ thuật seldivger, đường kính kim 21G, dài 25mm và 51mm, để dùng đưa guide wire có đường kính tối đa lên đến 0,021/250mm và 400mm.	650	Cái
115	Catheter lấy máu đông Fogarty từ số 2 đến số 7	Chất liệu PVC y tế, vô trùng, chia vạch trên thân ống, bóng làm từ nhựa latex, độ uốn dẻo phù hợp, vật liệu Mandrin thép không gỉ, có kèm khóa luer.	156	Cái
116	Catheter Ống đo áp lực bàng quang 2 đường 6Fr dùng cho máy đo niệu động học.	Catheter 2 đường dùng trong máy đo niệu động học. Đường kính: 6Fr. Nguyên liệu Pebax.	325	Cái
117	Catheter Ống đo áp lực bàng quang 3 đường 7Fr dùng cho máy đo niệu động học.	Catheter 3 đường dùng trong máy đo niệu động học Đường kính ống 7Fr.	7	Cái
118	Catheter Ống đo áp lực bàng quang 3 đường 9Fr dùng cho máy đo niệu động học.	Catheter 3 đường dùng trong máy đo niệu động học Đường kính ống 9Fr.	7	Cái
119	Nắp đóng bộ chuyên tiếp.	Nắp đóng bộ chuyên tiếp, nắp bằng nhựa chứa povidon-iod được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyên tiếp.	260	Cái
120	Ống thông phế quản right, left các số.	* 2 nòng right, left, thân phủ silicon trơn để luồn và an toàn, các số 28, 32, 35, 37, 39 đóng gói có 4 dây hút đảm chuyên phế quản đi kèm.	195	Cái
121	Ống thông (Catheter) truyền dung dịch trị liệu vào mạch máu ngoại biên cỡ 4F, 5F	Ống thông (Catheter) truyền dung dịch trị liệu vào mạch máu ngoại biên cỡ 4F, 5F. Chiều dài 45, 90, 135cm. Chiều dài của phần mang lỗ thoát dịch: 5,10,20,30,40,50 cm, kèm dụng cụ bơm.	16	Cái
122	Ống thông dẫn lưu (Pezzer) các số.	Ống thông dẫn lưu (Pezzer) các số 22; 24. Chất liệu bằng cao su tự nhiên, không có độc tính, không gây sốt, kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể. Tiết khuẩn.	11.700	Cái
123	Ống thông mật loại mềm (T catheter) các số.	Chất liệu cao su tự nhiên (Latex), thông dạng chữ T, đầu ống bo tròn để luồn.	910	Cái
124	Ống thông tiểu Nelaton các số.	Ống thông tiểu Nelaton các số 8, 10, 12, 14. Dây có chiều dài 40cm. Cao su thiên nhiên, 1 nhánh, phủ silicon, tròn đều. Đầu nhỏ với 2 lỗ thông bơm - hút dịch. Tron láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiết trùng.	1.300	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
125	Ông thông oxy các số	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có 04 cặp lỗ nằm đối xứng hai bên thành ống, một đầu được gắn với co nối, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho bệnh nhân. Tiết trùng.	31.446	Cái
126	Ví dây dẫn đường can thiệp	Dây dẫn ái nước. Đường kính: 0.014" và 0.018". Độ dài: 135, 165, 190cm.	13	Cái
127	Chi cố định mạch máu màu đỏ, không kim 1,5mmx45cm.	Chi nâng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu đỏ.	13	Tép
128	Chi cố định mạch máu màu vàng, không kim 1,5mm x 45cm.	Chi nâng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu vàng.	650	Tép
129	Chi cố định mạch máu màu xanh, không kim 2,5mm x 75cm	Chi nâng đỡ mô bằng silicone, dài 75cm, rộng 2.5mm, màu xanh.	650	Tép
130	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 24 mm	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 24 mm	46.033	Tép
131	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 18 mm	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 18 mm	3.848	Tép
132	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylen số 0, dài 100cm, kim tròn, thân to 1/2C, dài 30 mm	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylen số 0, 100cm, kim tròn, thân to 1/2C, dài 30 mm	2.600	Tép
133	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chi dài 90cm, 2 kim, kim tròn đầu cắt 26mm 1/2 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, chi dài 90cm, 2 kim, kim tròn đầu cắt 26mm 1/2 vòng tròn.	3.120	Tép
134	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 26mm 1/2 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 26mm 1/2 vòng tròn.	650	Tép
135	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 10mm 3/8 vòng tròn.	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn, dài 10mm 3/8 vòng tròn.	780	Tép

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
136	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	3.159	Tép
137	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm.	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm.	1.950	Tép
138	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone, dạng không thắt nút có hàng neo xoắn, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 2/0 dài 30 cm - 1 kim tròn đầu tròn dài 36mm 1/2 vòng tròn.	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone, dạng không thắt nút có hàng neo xoắn, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 2/0 dài 30 cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn CT-1 dài 36mm 1/2 vòng tròn	65	Sợi
139	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 2/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C 27mm bao phủ Silicon.	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 2/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C 27mm bao phủ Silicon.	260	Tép
140	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C, 26mm bao phủ Silicon.	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 15cm, kim tròn 1/2C, 26mm bao phủ Silicon.	1.430	Tép
141	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 30cm, kim tròn 1/2C 26mm bao phủ Silicon.	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glycomer (glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate) có gai số 3/0, dài 30cm, kim tròn 1/2C 26mm bao phủ Silicon.	520	Tép
142	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số (4/0), dài 70cm, kim tròn 22mm, 1/2 vòng tròn.	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + Trimethylene) số (4/0), dài 70cm, kim tròn 22mm, 1/2 vòng tròn phủ silicone.	1.976	Tép
143	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số (6/0), dài 70cm, kim tròn 13mm, 3/8 vòng tròn.	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (Glycolic + Caprolacton + Trimethylene) số (6/0), dài 70cm, kim tròn 13mm, 3/8 vòng tròn phủ silicone (hoặc tương đương).	65	Tép

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
144	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi, dạng không thắt nút có 2 hàng neo xoắn đối xứng ngược chiều nhau. Cỡ chỉ số 3/0 không màu dài 16x16 cm, 2 kim-1 dài 17mm 3/8 vòng tròn.	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi PGA-PCL (Polyglycolic Acid-Polycaprolactone), dạng không thắt nút có 2 hàng neo xoắn đối xứng ngược chiều nhau, các neo cách nhau 1mm. Cỡ chỉ số 3/0 không màu dài 16x16 cm, 2 kim-1 dài 17mm 3/8 vòng tròn.	13	Sợi
145	Chỉ điện cực đa sợi số 2/0 bằng thép không gỉ phủ băng blue polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 17mm 1/2C và một kim thẳng đầu tam giác 60mm.	Chỉ điện cực đa sợi số 2/0 bằng thép không gỉ phủ băng blue polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 17mm 1/2C và một kim thẳng đầu tam giác 60mm.	3	Tép
146	Chỉ điện cực đa sợi số 2/0 bằng thép không gỉ phủ băng blue polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 17mm 1/2C và một kim thẳng đầu tam giác 90mm.	Chỉ điện cực đa sợi số 2/0 bằng thép không gỉ phủ băng blue polyethylene dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác dài 17mm 1/2C và một kim thẳng đầu tam giác 90mm.	4	Tép
147	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi (Polyglеcаprone) số 1 dài 90cm, kim tròn, dài 40mm	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi (Polyglеcаprone) số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm	65	Tép
148	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi Polyglеcаprone) số 3/0, kim tròn, dài 26 mm	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi (Polyglеcаprone) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	65	Tép
149	Chỉ tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 3/8C, dài 13 mm.	Chỉ tan sinh học đơn sợi Chromic Catgut số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 3/8C, dài 13 mm.	65	Tép
150	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus RB-1 dài 17mm 1/2 vòng tròn hoặc tương đương.	Chỉ phẫu thuật PDS II số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn plus RB-1 17mm, 1/2 C	1.040	Tép
151	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn, dài 17 mm 1/2 vòng tròn (dùng cho phẫu thuật niệu đạo)	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS II số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn, dài 17 mm 1/2 vòng tròn.	1.300	Tép

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
152	Chi thép điện cực số 3/0, dài 60cm, 02 kim tròn phủ silicone 17mm 1/2 vòng tròn, kim phủ silicone.	Chi thép điện cực số 3/0, đóng gói 01 tệp 2 sợi, dài 60cm, 02 kim tròn phủ silicone 17mm 1/2 vòng tròn, kim phủ silicone.	3	Tệp
153	Dao chọc mở đường dẫn lưu nang giả tụy, dao kim, vòng tán nhiệt đặt 2 stent cùng lúc.	Ống thông mở đường dẫn lưu nang giả tụy đầu kim, vòng tán nhiệt đặt 2 stent cùng lúc bao gồm: - Catheter đầu tiên 5 Fr mở đường bằng đầu kim đốt điện có đánh dấu cán quang - Tích hợp vòng tán nhiệt đốt điện dẫn đường catheter 10Fr đặt 2 stent cùng lúc. - Đường kính ngoài 10Fr, Đường kính trong 5Fr, Chiều dài ngoài 165cm, chiều dài trong 190cm, Tương thích kênh ống soi 3,7mm.	7	Cái
154	Dao siêu âm 5mm, dài 36cm.	Cắt và cầm máu đường kính tối đa 5 mm, lưỡi cong, chiều dài 36 cm, kết hợp với dây dao HP054.	650	Cái
155	Tay dao 2 nút bấm, dây dài 3 m, đầu gắn 3 chấu, tiết trùng, kèm đầu dao hình kiếm, sử dụng một lần	Tay dao 2 nút bấm, dây dài 3 m, đầu gắn 3 chấu, tiết trùng, kèm đầu dao hình kiếm, sử dụng một lần	2.600	Cái
156	Bộ thất tĩnh mạch thực quản (bao gồm: tay quay và đầu thắt)	Bộ thất tĩnh mạch thực quản bao gồm tay quay, dây kéo, đầu bơm, đầu thắt 6 vòng dây thun và 1 vòng phòng bị, cấu trúc 2 sợi kéo, được lắp sẵn vào 1 đầu silicone mềm. Chiều dài ≥ 150 cm. Tương thích với tất cả ống soi có đường kính ngoài 8.6 -13mm.	293	Bộ
157	Bóng kéo sỏi đường mật	Bóng kéo sỏi đường mật có 3 kênh riêng biệt, đường kính bóng 8.5/11.5/15mm, dài ≥ 2000 mm, sử dụng 1 lần. Cán quang ở 1 đầu bóng, dễ quan sát dưới tia X.	130	Cái
158	Dao cắt cơ vòng Oddi	Dao cắt cơ vòng Oddi, chiều dài tip 7mm, chiều dài dây cắt 20, 25, 30, 35mm, chiều dài làm việc ≥ 2000 mm. Tương thích guidewire 0.035"	585	Cái
159	Dao mổ các số.	Có kênh bơm thuốc cán quang riêng mà không cần tháo dây dẫn guidewire. Dao mổ các số 10, 11, 15, 20. Lưỡi dao bằng thép, sắc mảnh, đóng gói tiết trùng.	28.855	Cái
160	Dây dẫn hướng đường mật	Dây dẫn hướng đường mật đầu thẳng, đường kính 0.035", dài 450cm, đầu phủ Hydrophilic dài 5cm. Lõi dây dẫn bằng Nitinol, mang lại lực xoắn và đẩy tốt. Lớp phủ nhựa PTFE để đi qua kênh. Dây dẫn hướng đường mật phải được thiết kế theo dõi dưới tia X - ray.	585	Cái
161	Dây dao siêu âm tương thích với dao siêu âm mô mỡ	Bộ phận tạo ra sóng siêu âm, kết nối giữa máy GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực) và dao siêu âm harmonic mô mỡ.	9	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tình năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
162	Dùng cụ gấp đi vật dạng răng chuột - hàm cá sấu	Kèm gấp đi vật dạ dày, dài răng chuột kết hợp cá sấu, sử dụng một lần. Đường kính 2,3mm, thích hợp kênh ống soi đường kính $\geq 2,8$ mm, chiều dài hoạt động ≥ 200 cm.	137	Cái
163	Lưỡi dao của máy xay mô	Lưỡi dao của máy xay mô tương thích với máy xay mô model YSB-III hiện có ở Bệnh viện. * Đường kính 4.5mm * Dài 450mm * Chất liệu: Thép không rỉ dùng trong y tế	26	Cái
164	Rọ lấy sỏi đường mật 4 sợi, các cỡ, sử dụng 1 lần.	Rọ lấy đi vật, lấy sỏi mật tụy. Dạng 4 sợi, đường kính mở rọ 25 mm, 30mm, chất liệu làm bằng thép không rỉ, đường kính 2,3mm, chiều dài ≥ 2000 mm, có ngó bơm thuốc cầm quang.	650	Cái
165	Thông lọng cắt Polyp xoay 360 độ	Thông lọng cắt polyp hình oval sử dụng 1 lần. Xoay được 360 độ. Tay cầm có đánh dấu. Đường kính 2,3mm, Chiều dài 2300mm. Size thông lọng: 20, 30mm	1.950	Cái
166	Mạch máu nhân tạo chữ Y các cỡ	Mạch máu nhân tạo chữ Y các cỡ có thể thủy phân chống nhiễm trùng, chống chảy máu, không bị tình trạng thủng tổ ong, bền chặt với kiểu dệt chéo, cải tiến khả năng kiểm soát, giữ lại mũn khâu một cách chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực, bụng - chậu.	65	Cái
167	Mạch máu nhân tạo PE 2 nhánh chữ "Y" có tráng bạc chống nhiễm khuẩn dài 40cm, các cỡ	Mạch máu nhân tạo chữ Y có tráng bạc, làm giảm sự bám dính của vi khuẩn, ức chế nhiễm trùng ống ghép lâu dài, tính tương thích sinh học cao, dài 40 cm, đường kính các cỡ.	65	Cái
168	Mạch máu nhân tạo thẳng các cỡ	Mạch máu nhân tạo thẳng các cỡ có thể thủy phân, chống nhiễm trùng, chống chảy máu, không bị tình trạng thủng tổ ong, bền chặt với kiểu dệt chéo, cải tiến khả năng kiểm soát, giữ lại mũn khâu một cách chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực - bụng.	26	Cái
169	Van tim cơ học động mạch chủ các cỡ.	Van tim cơ học động mạch chủ các cỡ: - Chất liệu 100% carbon - Vòng khâu móng làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Độ chênh áp thấp ≤ 10 mmHg. - Van động mạch chủ vòng khâu móng các số 19, 21, 23, 25, 27/29.	4	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
170	Van tim cơ học hai lá	<p>Van tim hai lá cơ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu 100% carbon - Vòng khâu màng làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Độ chênh áp thấp ≤ 10 mmHg. - Van hai lá vòng khâu mỏng số 25, 27/29, 31/33 và 25/33 	4	Cái
171	Stent động mạch chi Nitinol tự bung, các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Stent mạch chi tự bung bằng súng, Vật liệu làm bằng Nitinol nhớ hình. - Chiều dài catheter 90cm và 135cm, tương thích wire 0.018", tương thích hệ thống can thiệp 4F trên tất các các kích cỡ - Stent được phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng giúp ngăn chặn không cho ion kim loại khuếch tán ra lòng mạch theo thời gian như Nickel, giảm các triệu chứng như huyết khối trong stent, tái hẹp trong stent. - Đủ kích thước khác nhau: đường kính: 4.0 - 7.0 mm và chiều dài: 20- 200 mm. 	39	Cái
172	Stent động mạch thận, các cỡ.	<p>Giá đỡ động mạch thận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Stent bằng bằng bóng. - Thanh stent có độ dày và dài tương thích wire 0.014", sheath 4F, 5F - Có đánh dấu trên một đầu stent giúp định vị stent dễ dàng hơn. - Đủ kích thước khác nhau: đường kính: 4.5, 5.0, 6.0, 7.0 mm và chiều dài: 12, 15, 19 mm. 	16	Cái
173	Stent dùng cho can thiệp eo động mạch chủ các cỡ.	<p>Stent dùng cho động mạch chủ, thiết kế khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE. Đường kính 12-24 mm, dài 19 đến 58 mm.</p>	7	Cái
174	Stent ngoại biên tự bung các cỡ.	<p>Stent ngoại biên tự bung bằng Nitinol. Hệ thống bung stent bằng một tay. Thiết kế mắt stent mở giúp stent áp sát thành mạch máu, chống gấp góc, được định vị bằng 8 điểm tantalum. Kích thước: đường kính 6 - 11mm, dài 20 - 150mm. Chiều dài hệ thống mang stent có 2 loại là 80 và 120cm.</p>	26	Cái
175	Stent nhựa đường mật, tùy có điểm cân quang loại thẳng các cỡ dùng trong nội soi	<p>Stent nhựa đường mật, tùy loại thẳng các cỡ, đường kính 5.0FR đến 11.5 FR, Chiều dài từ 3cm đến 15cm</p> <p>Chất liệu PE, PTFE, cong chính tâm hoặc cong góc</p>	52	Cái
176	Stent nhựa đường mật các cỡ	<p>Stent nhựa đường mật có điểm cân quang cong 2 đầu hoặc cong chính tâm các cỡ</p> <p>Chiều dài 3cm - 15cm</p> <p>Đường kính 7Fr, 8.5Fr, 10Fr, 11.5Fr</p>	130	Cái
177	Stent động mạch chậu tự bung, các cỡ	<p>Stent động mạch chậu tự bung, chiều dài catheter 70cm và 120cm. - Có 4 marker hai đầu stent. - Tương thích wire 0,035". Vật liệu nhớ hình. Kích thước các cỡ.</p>	26	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
178	Stent dùng cho can thiệp mạch máu loại có lớp phủ graft, các cỡ.	Stent ngoài biên có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch chậu, thận. Thiết kế khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft. Tương thích với sheath 6F đến size 8.0x57mm. Kích thước: đường kính 5-10 mm, dài 18-58 mm.	13	Cái
179	Stent dùng cho can thiệp mạch máu, các cỡ.	Stent dùng cho mạch máu ngoài biên, nong bằng bóng. Tương thích với sheath 6F. Kích thước: dk 5-10 mm, dài 18-58 mm. Chất liệu CoCr.	52	Cái
180	Stent graft động mạch chủ bụng các cỡ.	Sử dụng cho phình tách ĐMC Bụng, có kích thước hệ thống dẫn 18F (phần thân chính) 14F (phần nối dài). Đầu gần có stent chữ M. Có thể chỉ định trên bệnh nhân có cổ tử phình đoạn gần ≥ 10 mm, và độ gấp góc đến 75 độ. Hệ thống bụng stent điều khiển bằng cách xoay tròn. Đường kính: 23 mm - 36 mm đối với thân chính và từ 10 mm- 28 mm đối với thân nối dài. Kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F. Chất liệu stent Nitinol, graft là polyester đa sợi mật độ cao.	26	Cái
181	Stent kim loại can thiệp đường mật bằng Platinol các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Hai đầu stent gồm nhiều vòng nhỏ và loe nhằm giảm chấn thương và chống dịch chuyển stent. Thiết kế bên dây platinol, cấu trúc ô đóng. Loại bán phủ, phủ toàn phần: có vòng loop thu hồi và được phủ permalume (silicone mờ). Đường kính stent: 8-10mm. - Có thể thu gọn đến 80% so với khi bụng để tái định vị khi đặt. - Catheter có 4 điểm can quang giúp để nhìn khi đặt stent. Đường kính 8-8.5F 	13	Cái
182	Stent kim loại đường mật các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Stent chất liệu Nitinol siêu đàn hồi - 2 đầu loe nhẹ chống di lệch stent - 3 điểm đánh dấu can quang tốt, quan sát dễ dàng - Bọc màng silicon bán phần - không bọc phần loe của stent - Thiết kế vỏ ngoài của bộ đặt stent bằng các sợi đan chéo giúp chống gấp stent và bụng stent nhẹ nhàng - Có khả năng thu stent lại (khi stent chưa bung hoàn toàn), giúp hỗ trợ chọn vị trí đặt stent chính xác - Đường kính stent có 2 kích thước: 8.0mm và 10.0 mm - Chiều dài stent có 4 kích thước: 40cm; 60cm; 80cm; 100 cm - Đường kính bộ đặt stent: 7Fr và 9Fr 	39	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
183	Stent kim loại thực quản các cỡ.	<p>Chất liệu làm bằng Nitinol, cấu trúc dạng lưới, được phủ lớp Silicone kép. Có đầu viên tròn để không tổn thương đến các mô. Có chỉ dịch chuyển hỗ trợ trong sửa lại vị trí hoặc thu lại.</p> <p>Có thiết kế phù hợp để đặt gần thanh quản. Stent có điểm cân quang bố trí tại 2 đầu và 2 điểm ở đoạn giữa. Stent có đường kính tối thiểu $\leq 16\text{mm}$, đường kính tối đa $\geq 28\text{mm}$, chiều dài tối thiểu $\leq 6\text{cm}$, chiều dài tối đa $\geq 15\text{cm}$.</p> <p>Bộ đặt stent có các điểm cân quang, đường kính bộ đặt từ 16Fr-22Fr, chiều dài 70cm $\pm 5\%$.</p>	26	Cái
184	Stent ngoại biên tự bung các cỡ	<p>Khung giá đỡ động mạch ngoại biên tự bung</p> <p>Đường kính: 5, 6, 7, 8 mm</p> <p>Chiều dài stent: 20, 30, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 200mm.</p> <p>Chiều dài hệ thống: 80cm và 120cm, tương thích với dây dẫn 0.035".</p> <p>Phù hợp trên mạch ngoại vi SFA (đùi nông) và động mạch chậu.</p> <p>Thiết kế kết nối dạng khung xoắn ốc.</p> <p>Khung giá đỡ thiết kế 3 đỉnh, chống lực nén và cung cấp áp thành mạch cho khung stent.</p> <p>Tương thích với dụng cụ mở đường 6F</p>	26	Cái
185	Stent niệu quản, phủ toàn bộ bằng kim loại các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính stent 8mm, 10mm - Chiều dài stent: 6cm, 8cm, 10cm, 12cm - Cấu trúc Stent dây đơn giảm chấn thương - Thiết kế có hoặc không có mỏ neo - Khả năng chống chịu và đàn hồi để tránh tái hẹp tốt - Dễ quan sát dưới tia X quang thông qua các marker chấn bức xạ ở cả hai đầu - Stent rút theo cơ chế rút chỉ - Trọn bộ gồm: Stent đường niệu quản bằng kim loại có phủ toàn bộ và dụng cụ đẩy stent. 	65	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
186	Stent tuyến tiền liệt, phủ toàn bộ bằng kim loại các cỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính stent 45F - Chiều dài catheter: 20cm - Chiều dài stent: các cỡ - Cấu trúc dây đơn - Thiết kế có hoặc không có mỏ neo - Stent rút theo cơ chế rút chỉ - Khả năng chống chịu và đàn hồi để tránh tái hẹp - Trọn bộ gồm: stent Đường tiền liệt tuyến bàng kim loại có phủ toàn bộ và dụng cụ đẩy stent. 	26	Cái
187	Lưới đặt thoát vị thành bụng Polyester 2 lớp (20 x 15cm) ± 10%	Mảnh ghép thoát vị thành bụng 2 lớp, dệt 3D mềm xốp dễ thao tác, chất liệu Polyester thân nước, một mặt là màng Collagen chống dính, có dính chỉ sẵn. Kích thước lỗ lưới lớn 4,8x2,0mm. Kích thước 20cm x 15cm.	130	Miếng
188	Lưới thoát vị bên Polyester đơn sợi (15x10)cm ±10%, đặt bên phải/trái	Lưới đặt thoát vị, chất liệu Polyester, đơn sợi, có các gai tự có định bằng chất liệu polyactic acid, tự tan sau 18 tháng. Kích thước lưới (15x10)cm ±10%, đặt bên trái/ phải.	130	Miếng
189	Mạch máu nhân tạo thẳng cỡ 5mm x 50cm, không vòng xoắn	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ePTFE - Độ dày thành mạch 0,63mm. Đường kính trong 5mm, Dài 50cm. 	7	Cái
190	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 4cm x 6cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: màng ngoài tim bò. Để tái tạo mạch máu và thủ thuật cấy bỏ nội mạc mạch. - Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim - Đặc điểm: Tương thích sinh học, Độ bền kéo và khả năng duy trì độ chắc chắn của chỉ khâu, Không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt, Độ dày Collagen đồng nhất, Cấu để dàng để có hình dạng kích thước mong muốn. - Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 4x6cm" 	7	Miếng
191	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 8cm x 14cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: màng ngoài tim bò. Để tái tạo mạch máu và thủ thuật cấy bỏ nội mạc mạch. - Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim - Đặc điểm: Tương thích sinh học, Độ bền kéo và khả năng duy trì độ chắc chắn của chỉ khâu, Không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt, Độ dày Collagen đồng nhất, Cấu để dàng để có hình dạng kích thước mong muốn. - Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 8x14cm" 	7	Miếng
192	Shunt động mạch cảnh các cỡ 8F, 9F	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyurethane. - Dài 31 cm, đường kính 8F-9F - Có bóng bì 2 đầu không gây chấn thương, có vạch đánh dấu độ sâu theo cm. 	13	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
193	Vật liệu đóng mạch ngoại biên.	<p>Chất keo tắc mạch ngoại biên (n-butyl-2-cyanocrylate) là chất xơ hóa đưa vào lòng tĩnh mạch cần điều trị làm mạch máu tắc vĩnh viễn. Keo không gây sưng phù, phi nhiệt và không gây cứng khi bít tắc tĩnh mạch. Bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Catheter - Introducer - Dilator - Súng dẫn keo - Đầu dẫn gắn theo súng - Syringes 3cc - Guidewire J 0.035". 	65	Bộ
194	Dây nối chữ T 150cm bơm tiêm thuốc cản quang 190ml dùng cho máy Saliert (hoặc tương đương).	Dây nối 2 nòng, chữ T, chịu áp lực 300psi, trong suốt, chống xoắn dài 150cm, đường kính trong 1,53mm, đầu nối luer lock an toàn, chống rò rỉ. Chất liệu PVC y tế, không DEHP. Tiết khuẩn.	260	Bộ
195	Phim X-quang kỹ thuật số lazer 14 x 17 inch (35cm x 43cm)	Kích thước: 14x17 inch (35cm x 43cm). Công nghệ in laser.	312.000	Tám
196	Bộ bơm bóng đường mật Quantum (hoặc tương đương).	Bộ bơm bóng đường mật thể tích 20cc, độ đo chính xác 5atm hoặc 7psi, tay cầm có khóa, xả nhanh	7	Bộ
197	Bộ đặt stent nhựa đường mật	Bộ đặt stent nhựa đường mật các cỡ, có 3 điểm cân quang, và ngã bơm cân quang. Chiều dài ≥ 220 cm.	52	Bộ
198	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi dài 11 cm, các cỡ.	<p>Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu mềm dẻo an toàn cho bệnh nhân - Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm (tùy mã sản phẩm), Có khóa 3 ngã - Có Guirewire kèm (làm bằng thép không rỉ) có đầu cong hình J, đường kính hoặc 0.038", dài 50cm 	260	Bộ
199	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay, các cỡ.	<p>Dụng cụ mở đường động mạch quay (sheath Introducer) 4F, 5F, 6F</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu mềm dẻo an toàn cho bệnh nhân - Có Guirewire kèm (làm bằng thép không rỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.018", dài 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã 	39	Bộ

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tình năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
200	Bộ dụng cụ mở đường mạch máu các cỡ bao gồm sheath có van chống trào máu, dây dẫn đường ái nước.	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch bao gồm sheath có van chống trào máu, dây dẫn đường ái nước dài 45cm. Đường kính 4Fr đến 10Fr, dài 7cm-10cm. Lớp vỏ bằng ETFE. Luôn vào để dùng, không bị chùn đầu. Chống xoắn. Không bị rỉ máu. Có lớp ái nước không gây phản ứng co mạch, chỗ giao tiếp giữa sheath và dilator rất nhẵn mịn làm giảm tối đa tổn thương.	780	Bộ
201	Bóng nong mạch máu ngoài biên áp lực thường	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoài biên - Phủ lớp ái nước - Tương thích dây dẫn 0.035". - Áp lực tối đa 23 bar. - Chiều dài hệ thống mang bóng có hai loại ≥ 80 và ≥ 120 cm. - Đường kính 4 - 10mm, dài 20 - 120mm.	130	Cái
202	Bóng nong mạch máu ngoài biên dưới gói	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoài biên khoeo và dưới gói. - Phủ lớp ái nước. - Tương thích dây dẫn 0.014" và 0.018". - Áp lực tối đa 23 - 26 bar. - Chiều dài hệ thống mang bóng dài 80 và 155cm - Đường kính 3.0-8.0mm, dài 10-60mm, loại RX. Có cả 2 loại dạng RX chiều dài hệ thống mang bóng dài ≥ 80 và ≥ 135 cm dạng OTW chiều dài hệ thống mang bóng dài ≥ 150 và ≥ 155 cm	125	Cái
203	Co nối Y 1/2 x 3/8 x 3/8.	Có cấu trúc trong suốt. Là loại 3 nhánh chữ Y cỡ 1/2 x 3/8 x 3/8	13	Cái
204	Co nối Y 1/4 x 1/4 x 1/4.	Có cấu trúc trong suốt Là loại 3 nhánh chữ Y cỡ: 1/4 x 1/4 x 1/4 có khóa, hoặc không khóa.	13	Cái
205	Co nối Y 3/8 x 3/8 x 1/4 có khóa.	Có cấu trúc trong suốt Là loại 3 nhánh chữ Y cỡ 3/8 x 3/8 x 1/4 có khóa.	13	Cái
206	Dây dẫn ái nước có trợ lực xoay các cỡ.	Dây dẫn ái nước và lớp áo ái nước giúp dễ lái vào các chỗ tổn thương khó, an toàn. - Dây dẫn có trợ lực tốt theo tỷ lệ 1:1 - Có đầu 2 dạng đầu cong chữ J và đầu thẳng - Đầu các kích cỡ 0.035", 0.038", 0.025", 0.018" chiều dài từ 80cm, 150cm, 180cm, 220cm, 260cm.	52	Cái
207	Dây dẫn can thiệp (Guidewire) các cỡ.	Dây dẫn can thiệp Mạch Vành ái nước, bằng chất liệu Nitinol phủ Polymer. chiều dài 185cm và 300cm.	65	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
208	Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp áo nước, chiều dài 150cm các cỡ.	Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp áo nước: Kích cỡ: đường kính 0.025", 0.035", 0.038" cong 3cm, đầu chữ J, đầu thẳng. Dài 150cm. Đầu tip mềm dẻo, linh hoạt.	195	Cái
209	Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp áo nước, chiều dài 260cm các cỡ.	Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp áo nước: Kích cỡ: đường kính 0.025", 0.035", 0.038" cong 3cm, đầu chữ J, đầu thẳng. Dài 260cm. Chất liệu: cấu tạo bởi hợp kim siêu đàn hồi (Nitinol), đầu tip siêu mềm dẻo, linh hoạt, độ trơn hoàn hảo.	260	Cái
210	Dây dẫn dùng trong can thiệp 0.014" không mới nói, lõi hợp kim đàn hồi, có lớp áo nước	Dây dẫn dùng trong can thiệp 0.014" không mới nói, lõi hợp kim đàn hồi, có lớp áo nước. Kích cỡ: đường kính 0.014" dài 180 cm Dây dẫn linh hoạt, bền, dẻo giúp tiếp cận tổn thương dễ dàng.	91	Cái
211	Dây dẫn đường (guide wire) đầu tròn dẫn lưu nang giả tụy, đặt 2 stent cùng lúc, tự mở đường thông như Oddi.	Dây dẫn đường (guide wire) đầu tròn dẫn lưu nang giả tụy, đặt 2 stent cùng lúc, tự mở đường thông như Oddi. - Đầu dây dẫn tròn màu vàng tự tìm đường thông như hẹp Oddi - Đi được 2 dây dẫn cùng lúc, dẫn đường 2 stent đồng thời, lõi nitinol giữ hình dạng. - Chiều dài 480cm, đường kính .035 inch, loop tip 2 x 4mm, có cân quang	7	Cái
212	Dây dẫn đường cứng, đầu thẳng, đường kính 0.035".	Dây dẫn đường cứng chất liệu nitinol đường kính 0.035" dài 120-150 cm phủ PTPE đầu thẳng.	3.900	Cái
213	Dây dẫn hướng kim loại nong thực quản các cỡ.	Dây dẫn hướng kim loại nong thực quản sử dụng nhiều lần chất liệu thép không gỉ, dài 200cm; 250cm; 360cm, đầu linh hoạt dạng coil	7	Cái
214	Ống nối thẳng (có hoặc không có khóa) 3/16 x 1/4.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại co thẳng cỡ 3/16x1/4 có hoặc không có khóa	39	Cái
215	Ống nối thẳng đầu xoắn 1/4 x 1/4 có khóa.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại co thẳng cỡ 1/4 x 1/4 có khóa.	39	Cái
216	Ống nối thẳng đầu xoắn 1/4 x male có khóa.	- Có cấu trúc bằng tinh thể carbonate trong suốt - Là loại co thẳng cỡ 1/4 x male có khóa.	39	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
217	Vi dây dẫn đường can thiệp mạch máu phức tạp	Có khả năng đi qua những mạch máu phức tạp nhất. Thiết kế phần đầu tip: lõi trong dây thép không rỉ, cuộn ngoài bằng hợp kim Platinum/tungsten, đầu tip bằng polymer trong để tránh chấn thương các mạch máu phức tạp; Đầu xa cân được thiết kế để truyền lực xoắn, tăng độ phân hồi và cơ động. Đầu xa cân phủ ải nước, đầu gần cân phủ PTFE. Đường kính: 0.014" và 0.016". Độ dài: 140, 180, 200, 215, 300cm.	13	Cái
218	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch, với nhiều hình dạng.	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch: dạng coil dây (không thu hồi coil được). Chất liệu: Hợp kim Platinum nên có độ cân quang cao. Vòng ngoài cuộn dây được thiết kế để dễ dàng xuyên qua microcatheter và giảm khả năng gây tổn thương thành mạch. Có sợi Dacron. Đường kính 2-11 mm. Chiều dài từ 2 đến 85mm. Chiều dài khi thả: từ 2.0 đến 17mm. Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp.	26	Cái
219	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch.	Vòng xoắn được bao phủ đặc bởi các sợi Dacron. Cảnh tay khóa đơn giản giúp tăng khả năng kiểm soát, độ chính xác và có thể thu lại coil để đặt lại khi chưa mở khóa. Đường kính 2/6-22 mm và chiều dài đến 60 cm. Hình dạng coil: 2D, Kim cương, Lập phương.	26	Cái
220	Màng lọc High-flux, chất liệu Helixone, sử dụng cho máy Fresenius HDF online.	Màng lọc High-flux, chất liệu Helixone, diện tích màng 1,4m ² sử dụng cho máy Fresenius HDF online. Tiết trùng bằng hơi nước.	130	Quả
221	Bộ dây và màng lọc tách huyết tương	<p>Bộ dây tách huyết tương 0,5m² bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây động mạch kèm dây dẫn phụ cho truyền heparin, công chọc kim và đầu nhọn; - Dây tĩnh mạch kèm túi chất thải 2 lít để môi dịch, công chọc kim và công tiêm truyền; - Dây dẫn dịch thải kèm công lấy mẫu; - Dây dẫn dịch thay thế kèm túi làm ấm; - Túi dịch thải 7 lít - Filter bảo vệ các công áp lực - Diện tích 0,5m²; thể tích môi 50ml, thể tích huyết tương trong khoảng 125ml 	13	Bộ
222	Màng lưới Polypropylen (5 x10)cm ±10%	Màng lưới Polypropylen (5 x10)cm ±10%: đóng gói tiết trùng riêng từng miếng	1.040	Miếng

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
223	Dụng cụ cắt, khâu nối tự động hoàn toàn dùng trong phẫu thuật nội soi.	Bộ dụng cụ khâu, cắt nối thông minh, tính năng: bẻ góc, xoay, kẹp mô, cắt hoàn toàn tự động. Công nghệ đo lực kẹp mô để đưa ra tốc độ cắt phù hợp với độ dày mô, có màn hình LED hiển thị: dung lượng pin, số lần sử dụng, tình trạng và thông số phụ kiện, độ dày mô. Sử dụng đơn giản bằng một tay. Gồm: - 01 Tay súng pin (thân súng) - 02 thanh nối chuyển đổi cho dụng cụ khâu, cắt nối - 100 vỏ bảo vệ dụng cụ - 01 Dụng cụ đặt thân súng - 01 Vít mở - 01 dụng cụ sạc pin - 01 Khay hấp tiệt trùng.	4	Bộ
224	Dụng cụ khâu nối tự động tiêu hóa các cỡ 21mm, 25mm, 28mm, 31mm, 33mm.	Dụng cụ cắt khâu nối tròn, đường kính tròn 21mm, 25mm, 28mm, 31mm, 33mm, công nghệ ghim dập chuẩn, chiều cao ghim khi mở là 3.5 mm và 4.8mm. Đường kính trong $\geq 12.5\text{mm}$, $\geq 16.6\text{mm}$, $\geq 19.5\text{mm}$, $\geq 22.5\text{mm}$, $\geq 24.6\text{mm}$. Chất liệu ghim titanium. Thân dụng cụ dài 22cm.	390	Cái
225	Mảnh ghép dùng trong niệu khoa 15 x 15cm.	Mảnh ghép dùng trong niệu khoa 15 x 15cm: Chất liệu Polypropylene.	13	Miếng
226	Bộ mở bàng quang qua da các cỡ	Bộ mở bàng quang ra da bao gồm: dao rạch; troca; kim đâm và ống foley silicone có sợi cân quang, không có đầu tip, 2 nhánh các size 12-18 Fr. Trocar với đầu đâm sắc bén để thao tác, vỏ nhựa an toàn và được tháo rời bằng phương pháp lột vỏ. * Dụng để tạo đường hầm trong phẫu thuật lấy sỏi qua da, giảm áp lực bẻ thân * Bộ gồm: . 01 cái Giá đỡ vừa tán vừa hút, kích cỡ: 18Fr x 13cm . Các que nong, kích thước từ: 8Fr - 18Fr . 01 cái Kim chọc dò, kích thước: 18G x 23cm . 01 cái Guide wire PTFE, kích thước: 0.032" x 80cm, J Tip . Ống thông 02 ngã silicon Fr14x5ml	455	Bộ
227	Bộ Nong Lấy Sỏi qua Da sử dụng 01 lần	Dùng để thủ thuật làm giãn nở niệu quản - Kích thước gồm: 6 - 18Fr, dài 60cm.	975	Bộ
228	Bộ nong niệu quản các cỡ.		26	Bộ

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
229	Bộ nong thân tạo đường hầm các cỡ.	Bộ nong thân tạo đường hầm các cỡ Làm bằng vật liệu can tia X Đầu kết nối leuc lock Dễ dàng rút bỏ nòng trong của vỏ nong, cây nong dài ≥ 18 cm Tương thích với dây dẫn tối đa 0,038" Tiệt trùng và sử dụng 1 lần.	195	Bộ
230	Bộ ống thông Mono J.	Ống thông được phủ hydrophilic Kích thước ống tùy chọn, dài 30cm Ống có đầu cong dạng chữ J Bộ bao gồm: + Ống thông dẫn lưu thận + Ống nối + Kẹp cố định dạng cánh	1.300	Bộ
231	Dây cáp laser đường kính 230 μ m, 365 μ m, 600 μ m có thể sử dụng nhiều lần tương thích với máy Tân sỏi laser Auriga.	Dây cáp laser đường kính 230 μ m, 365 μ m, 600 μ m có thể sử dụng nhiều lần tương thích với máy Tân sỏi laser Auriga: + Đầu dây laser hình tròn, trơn, có thể điều hướng 270 độ. Thông số laser: Đường kính dây laser: 230 μ m, 365 μ m, 600 μ m, loại sử dụng được nhiều lần.	65	Cái
232	Que tán sỏi thủy lực loại mềm, các cỡ	Đầu dò tán sỏi thủy điện lực, loại mềm, đường kính 4.5Fr, dài 600mm	1.300	Cái
233	Rọ lấy sỏi nội soi ống mềm 2.4Fr, 4 sợi, dài 120 cm	Được làm bằng vật liệu Nitinol, Tay cầm nhựa dạng tay kéo, có thể tháo rời được. Cỡ 2.4Fr, rọ có 4 sợi, dài 120 cm. Loại được tiệt trùng sẵn và sử dụng 1 lần.	20	Cái
234	Sỏi truyền quang dùng trong tán sỏi tiết niệu.	Vật tư dùng cho máy tán sỏi Laser dùng để truyền quang công phá sỏi. Kích thước 272 μ m, 550 μ m. Chiều dài 2,5 m	91	Sợi
235	Băng keo chỉ thị nhiệt độ hấp ướt (1.8cm x 55m) $\pm 10\%$.	Băng keo chỉ thị nhiệt độ hấp ướt (1.8cm x 55m) $\pm 10\%$, Băng keo giấy, với thiết kế mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chéo chỉ thị hóa học không màu sẽ chuyển sang màu đậm hoặc đen sau khi tiếp xúc nhiệt độ trong quá trình tiệt khuẩn hơi nước, chỉ thị đổi màu thể hiện rõ nét. Không chứa chì.	156	Cuộn
236	Bao ni lông đựng ống nội soi lớn	Nguyên liệu : Nhựa dùng trong y tế, Qui cách : P150x 2m , tiệt trùng.	70.113	Cái
237	Mask oxy có túi dự trữ các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế. Có dây đeo đàn hồi, với ống dẫn oxy. Có túi dự trữ. Các size. Đóng gói từng cái.	2.028	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
238	Miếng dán điện cực không dây sử dụng cho phép đo nhịp động học	Miếng dán điện cực không dây sử dụng cho phép đo nhịp động học (Điện cực bề mặt) Bộ bao gồm 3 miếng dán. Các miếng dán không có dây dẫn	390	Cái
239	Băng dán nội soi các cỡ 30mm, 45mm, 60mm dùng cho dụng cụ cắt, khâu nối nội soi đa năng.	Băng dán (ghim khâu) nội soi công nghệ 3 hàng ghim, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là 2,0mm - 2,5mm - 3,0mm; 3,0mm - 3,5mm - 4,0mm, các cỡ 30mm, 45mm, 60mm .Chất liệu ghim titanium, phù hợp dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng lưỡi dao mới trong mỗi băng dán.	3.120	Cái
240	Băng ghim cắt khâu nối nội soi đầu cong, kích cỡ 30mm, 45mm, 60mm.	Băng dán (ghim khâu) nội soi có 3 hàng ghim mỗi bên, đầu cong, chiều cao ghim là 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm dùng cho mô mỏng, mạch máu. Chiều cao ghim sau khi đóng 0.8mm, 1.5mm. Chiều dài băng ghim 30mm, 45mm	7	Cái
241	Băng keo có chỉ thị hóa học tương thích máy Sterrad.	- Băng keo có chỉ thị hóa học nhận dạng H2O2, chuyển màu sau khi test, tương thích máy Sterrad. - Hoạch tương đương.	364	Hộp/ 6 cuộn
242	Bao cao su.	Chất liệu cao su thiên nhiên. Tiết trùng	6.500	Cái
243	Bộ dẫn lưu ngực có van điều chỉnh áp lực cỡ 1150ml, 2300ml.	Kích cỡ 1150ml, 2300ml. Có van điều chỉnh áp lực và van áp lực âm điều chỉnh tay. Vật liệu Silicone và Polypropylene.	130	Bộ
244	Bộ dụng cụ đo huyết động xâm lấn.	Bộ dẫn truyền huyết áp 1 đườn, PVC y tế; Đầu cannula hình chữ J: hạn chế tạo bọt khí; 1 Cằm biến nhạy; duy trì tốc độ chậm 2-3ml/giờ, tube màu trắng và màu đỏ phân biệt đường động mạch và tĩnh mạch.	780	Bộ
245	Bóng gậy mê các cỡ	Chất liệu: bằng cao su, Sử dụng 1 lần.	1.690	Cái
246	Clip Kẹp Polymer, các cỡ M, ML, L, XL	Clip kẹp mạch máu Polymer các cỡ, Là clip kẹp lạnh, không lan truyền nhiệt đến các cơ quan quan trọng. Chất liệu polymer không tan, không làm ảnh hưởng đến CT, MRI, X-ray. Sử dụng được trong phẫu thuật với Robot, có công nghệ khoá an toàn với âm thanh phản hồi, có mẫu chống trượt với chân bám 360 độ, gai dọc thân clip và cơ chế khoá đầu clip, kẹp được mạch máu từ 2-16mm, đi qua các loại trocar, mở ngàm rộng sau khi xuyên qua trocar, giảm thiểu vết thương. Kích thước mạch máu có thể kẹp: size M từ 2-7 mm, size ML từ 5-13 mm, size L từ 5-13 mm, size XL từ 7-16mm.	45.864	Cái
247	Đầu dò âm đạo sử dụng cho máy tập sàn chậu.	Đầu dò âm đạo sử dụng cho máy tập sàn chậu	390	Cái
248	Đầu dò hậu môn sử dụng cho máy tập sàn chậu.	Đầu dò hậu môn sử dụng cho máy tập sàn chậu: Chiều dài đầu dò 8.3cm Dông điện kích thích đạt đến 25mA.	91	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
249	Kim kẹp Clip mạch máu Polymer các cỡ.	Kim kẹp Clip mạch máu Polymer các cỡ tương thích với Clip Polymer đang sử dụng tại Bệnh viện.	20	Cái
250	Mask thanh quản 1 nòng Silicone các số.	Mask thanh quản 1 nòng chất liệu Silicone các số	85	Bộ
251	Mask thanh quản 2 nòng các số.	Mask thanh quản 2 nòng các số từ 1-5: Ống bằng silicone 100% (không latex), sử dụng dài ngày, có lò xo bên trong gia cố độ dẻo linh động của ống; bóng 2 lớp đảm bảo an toàn khi áp suất thanh quản lên đến 30cmH2O giúp hàn kín với thanh quản; 1 kênh phụ để thoát khí ở hơi và hút dịch dạ dày, có nắp bảo vệ bóng khí khử trùng.	2.523	Bộ
252	Mask xông khí dung	Nhựa PVC, dây dẫn dài $\geq 2m$ + mặt nạ (size S, M, L, XL) + bầu chứa thuốc xông dây đeo cơ giản.	2.523	Cái
253	Miếng dẫn điện cực sử dụng cho máy tập sản chậu.	Bề mặt điện cực dùng cho máy tập sản chậu. Diện tích 25cm ² . Dòng điện tối đa 70mA.	390	Cái
254	Ống soi mềm niệu quản - bề thân sử dụng 01 lần	Ống soi mềm niệu quản thân sử dụng một lần. Kênh làm việc : 3.6Fr. Chiều dài làm việc: 650mm. Trường nhìn 90 độ	65	Cái
255	Thiết bị cắt bao quy đầu tự động, thiết kế hình cánh bướm, các cỡ.	Thiết bị cắt bao quy đầu tự động người lớn các cỡ, thiết kế hình cánh bướm, dễ sử dụng và thao tác.	650	Cái
256	Trocar nội soi nhựa, không dao, đường kính 5/11/12mm, dài 75 - 108mm	- Trocar nội soi nhựa 1 vỏ 1 nòng, đường kính 5/11/12mm, dài 75 - 108mm, không lưỡi dao sắc, vỏ trong suốt, đầu được bọc giúp giảm tổn thương tối đa, kèm công nghệ Universal Seal - Van niêm phong kép 02 lớp gồm van bôn lá ép đối xứng nhau, van hai lá đan chéo nhằm tránh rò rỉ 100%, không khí, 02 công khâu giúp giữ cố định màng phổi và để thất chỉ khâu vào tay cầm để cố định trocar trong ổ bụng - Nút đầu trocar cho phép người sử dụng lấy bệnh phẩm để chẩn bằng nút tháo nhanh trên nắp hoặc giữ cố định nòng trocar, van khóa với có thể xoay 90° để thay đổi hoặc xả CO2 - Phù hợp các dụng cụ có đường kính từ 5mm-12mm	3.145	Cái
257	Troca nhựa không dao dùng trong nội soi	Troca nhựa không dao dùng trong nội soi. Đường kính: 5mm, 11mm, 12mm. Chiều dài : 100mm, van tròn bên ngoài, bên trong van hai lá tăng cường giúp giữ khí tốt. Đường kính ngoài: 8.46mm, 13.97mm, 15.52mm. Đầu lõi đâm hình mũi cá heo giúp đặt troca mượt hơn. Vỏ troca trong suốt làm tăng khả năng quan sát tất cả các lớp mô.	1.348	Cái
258	Băng hóa chất Sterrad 100NX.	Băng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp Sterrad, băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 5,4ml H2O2 58%.	650	Hộp/2 băng

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
259	Bảng hóa chất Sterrad 100S.	Bảng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp Sterrad, bảng gồm 10 cell mỗi cell chứa 1,8ml H2O2 58%.	312	Hộp/5 bảng
260	Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 12 tháng cho máy Sterrad 100NX ALLCLEAR.	- Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 12 tháng cho máy Sterrad 100NX ALLCLEAR. - Hoặc tương đương.	1	Bộ
261	Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 6 tháng cho máy Sterrad 100NX ALLCLEAR.	- Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 6 tháng cho máy Sterrad 100NX ALLCLEAR. - Hoặc tương đương.	3	Bộ
262	Bộ dụng cụ bảo dưỡng định kỳ mỗi 12 tháng cho máy Sterrad 100S.	Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 12 tháng cho máy Sterrad 100S.	1	Bộ
263	Bộ dụng cụ bảo dưỡng định kỳ mỗi 6 tháng cho máy Sterrad 100S.	Bộ bảo dưỡng định kỳ mỗi 6 tháng cho máy Sterrad 100S.	3	Bộ
264	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa bằng sóng siêu âm.	Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người. Khi lắp vào khay giữ phần chất thử bị che khuất một nửa, mô phỏng phần nổi của một dụng cụ phẫu thuật. Việc loại bỏ hoàn toàn thể hiện làm sạch đạt hiệu quả. Dùng cho máy rửa bằng sóng siêu âm. Vật liệu nền: kim loại.	650	Miếng
265	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn.	Chất thử tổng hợp mô phỏng mô và máu người. Khi lắp vào khay giữ phần chất thử bị che khuất một nửa, mô phỏng phần nổi của một dụng cụ phẫu thuật. Việc loại bỏ hoàn toàn thể hiện làm sạch đạt hiệu quả. Dùng cho máy rửa khử khuẩn. Vật liệu nền: kim loại	650	Miếng
266	Giấy in nhiệt dùng cho máy tiệt khuẩn Sterrad 100NX ALLCLEAR.	- Giấy in nhiệt dùng in kết quả tiệt trùng máy Sterrad 100NX.	39	Cuộn
267	Gói test thử lò hấp kiểm tra chất lượng của chu trình hút chân không cho máy tiệt khuẩn hơi nước.	Gói thử test kèm cảnh báo sớm - Bộ thử : gồm test kiểm tra lò hấp và 1 test cảnh báo sớm. Tấm thử không chứa Chi. - Kẹp giữ cố định OPTIC 5 x 5 x 5mm.	390	Gói
268	Kẹp giữ cố định OPTIC, 5 x 5 x 5mm.	- Kẹp giữ cố định OPTIC 5 x 5 x 5mm.	20	Cái
269	Khay đựng dụng cụ (600 x 200 x 50)mm ±10% .	Khay đựng dụng cụ tiệt khuẩn nhiệt độ thấp kích thước (600 x 200 x 500)mm ±10%, 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán H2O2, tương thích với máy plasma và hơi nước.	26	Cái
270	Khay đựng dụng cụ (600x330x100)mm ±10%.	Khay đựng dụng cụ tiệt khuẩn nhiệt độ thấp kích thước (600x330x100)mm ±10%, 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán H2O2, tương thích với máy plasma và hơi nước.	7	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
271	Que lấy mẫu bề mặt, dùng kiểm tra đồng thời ATP-ADP-AMP.	Que lấy mẫu bề mặt, dùng kiểm tra đồng thời ATP-ADP-AMP	8	Gói /100 test
272	Que lấy mẫu trong lòng ống 2.8-400mm.	Que lấy mẫu trong lòng ống 2.8-400mm đi kèm phần mềm phân tích kết quả.	8	Hộp/100 test
273	Tấm lót khay silicone (540 x 250) mm ±10%.	Tấm lót khay silicone (540 x 250) mm ±10%, chống gầy, va chạm dụng cụ.	7	Cái
274	Tấm lót khay silicone (584 x 191)mm ±10%.	Tấm lót khay bảo vệ dụng cụ kích thước (584 x 191)mm ±10%, chống va chạm dụng cụ.	26	Cái
275	Test chi thị hóa học nhiệt độ cao xác định 3 thông số tiết khuẩn: nhiệt độ, thời gian, áp suất. 5.1cm x 1.9cm	Test đa thông số kiểm tra chất lượng tiết khuẩn gói dụng cụ. - Kích thước : 5.1cm x 1.9cm - Kiểm tra 3 thông số tiết khuẩn: nhiệt độ, thời gian, áp suất - Thiết kế nhỏ gọn với bậc giấy và mực khô sẽ tan chảy trong quá trình hấp tiết trùng. * Paper >92% * Salicylamide <8%	390.000	Cái
276	Thanh chặn cố định Optic không lỗ.	Kẹp giữ cố định Optic nội soi trong khay để tiết khuẩn.	13	Cái
277	Lam kính	Kích cỡ: 26mmx76mmx1,1mm. Kính trong suốt, không mờ, không bọt khí, không vết nứt, hoặc tương đương	325	Hộp/72 miếng
278	Lamelle 22mm x 50mm	Chất liệu: thủy tinh chất lượng; Không bị bọt bóng khi dán; Kích thước 22mm x 50mm.	78	Hộp /1000 miếng
279	Lọ nhựa đựng mẫu PS 20ml, có nắp, có nhãn.	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nắp, có nhãn, dung tích 20ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính.	252.473	Lọ
280	Ông nghiệm lấy mẫu kháng đông EDTA có nắp cao su.	* Kích thước 12 x 75mm. Nắp cao su bọc nhựa. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. * Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...) Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ông. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	272.142	Tube
281	Ông nghiệm nhựa PS có nắp màu trắng	Kích thước 12 x 75mm. Nhựa PS trắng trong, nắp ấn trong màu trắng, dung tích tối đa 6ml.	26.000	Ông

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
282	Ống nghiệm Serum.	Kích thước 12 x 75mm. Nắp nhựa màu đỏ. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Styrene hình khối. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	373.425	Tube
283	Ống nghiệm thủy tinh không nắp 13mmx100mm	Ống nghiệm thủy tinh không nắp 13*100	26.000	Cái
284	Bộ chống lây nhiễm	Bộ chống nhiễm khuẩn cho hệ thống dao mổ siêu âm.	5	Bộ
285	Bộ dây bơm cho tay dao 23Khz	Bộ dây bơm cho tay dao 23 kHz.	65	Bộ
286	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu cho tay dao 23Khz	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu cho tay dao 23Khz	65	Bộ
287	Đầu mũi dao 23Khz cỡ lớn	Đầu dao 23kHz cỡ lớn, đường kính 2.64mm, dài 7.95cm.	13	Cái
288	Đầu mũi dao 23Khz, cỡ chuẩn	Đầu dao 23kHz cỡ chuẩn, đường kính 1.98mm, dài 7.98cm.	26	Cái
289	Đầu mũi dao nội soi ổ bụng 23 kHz	Đầu dao nội soi ổ bụng 23kHz, dài 30.14cm. Đường kính đầu dao 1.98mm. Kèm 6 đầu phun dịch.	13	Cái
290	Kim 14G/6cm	Kim 14G/6cm có khóa nối và đầu đính bằng nhựa	13	Cái
291	Sợi Laser điều trị rò hậu môn sử dụng 3 lần.	Sợi quang học có đầu tiếp nối với máy laser, có chiều dài 3m, đường kính sợi dây là 1mm, đoạn cuối sợi dây có phần cấp quang có đường kính 1.8mm và chiều dài là 15mm.	20	Sợi
292	Sợi quang học điều trị trĩ sử dụng 5 lần.	Sợi quang học có đầu nối IC, tiếp nối với máy laser, có chiều dài 2.6m, có đầu khóa, đoạn cuối sợi dây có phần cấp quang có đường kính bằng 1.8mm, chiều dài 18mm, có nắp bằng thạch anh cứng có mũi nhọn.	39	Sợi
293	Van mờ hậu môn	Chất liệu: nhựa y tế, chiều dài 93mm, đường kính 31mm Gel lấp đầy.	7	Cái
294	Túi độn màng silicone dạng gel kèm thiết bị nhận dạng đơn nhất.	Lớp sắc tố sử dụng để nhận biết trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố, tăng cường độ an toàn cho sản phẩm. Thiết bị nhận dạng đơn nhất.	7	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
295	Túi độn ngực silicone dạng gel.	Túi độn ngực hình tròn, bề mặt trơn. Chất liệu bằng Silicon dạng gel, gồm 2 lớp, một lớp methyl deo, dai đàn hồi bảo vệ túi ngực, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phân tử silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. Thể tích: các cỡ 220cc à 395cc. Mặt đáy: 97mm à 128mm. Độ nhỏ trung bình, độ nhỏ cao. Tiết khuẩn.	26	Cái
296	Vật liệu độn cằm bằng silicone dạng đúc khuôn.	Vật liệu cấy ghép mặt bằng silicon được làm bởi silicon cứng và silicon mềm được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mặt giúp định hình lại khuôn mặt, kích thước 10 x 59 x 15,5mm.	13	Cái
297	Vật liệu độn cằm.	Vật liệu cấy ghép mặt bằng eTPPE được làm bởi Polytetrafluoroethylene. Vật liệu được thiết kế cấu trúc 3D phù hợp với từng vị trí cần phẫu thuật thẩm mỹ. Vật liệu ở dạng tấm và khối để các bác sỹ phẫu thuật thẩm mỹ có thể định hình theo từng trường hợp.	13	Cái
298	Vật liệu nâng mũi bằng silicone.	Vật liệu cấy ghép mũi được làm bởi silicon cứng và silicon mềm, được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mặt giúp định hình lại khuôn mặt.	39	Cái
299	Vật liệu nâng mũi.	Vật liệu cấy ghép mặt bằng eTPPE được làm bởi expanded Polytetrafluoroethylene. Vật liệu được thiết kế cấu trúc 3D phù hợp với từng vị trí cần phẫu thuật thẩm mỹ. Vật liệu ở dạng tấm và khối để các bác sỹ phẫu thuật thẩm mỹ có thể định hình theo từng trường hợp.	39	Cái
300	Bóng trực tràng 4.5 Fr.	Catheter áp lực ở bụng dùng trong máy đo niệu động học Có bóng Đường kính ống 4.5 Fr.	13	Cái
301	Bóng trực tràng 7.5 Fr.	Catheter áp lực ở bụng dùng trong máy đo niệu động học Có bóng Đường kính ống 7.5 Fr.	650	Cái
302	Cảm biến áp lực dùng cho máy niệu động học.	Áp lực cảm biến dùng trong máy đo niệu động học Đầu nối: 2 đầu male- female.	39	Cái
303	Cáp giao điện kênh 1.	Chiều dài 10ft sử dụng cho máy tập sản châu.	3	Cái
304	Cáp giao điện kênh 2.	Chiều dài 10ft sử dụng cho máy tập sản châu.	3	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
305	Dây cáp gắn (EMG) dùng cho Máy đo áp lực đồ bàng quang.	Cáp cho 3 điện cực tương thích với Máy đo áp lực đồ bàng quang.	3	Cái
306	Mảnh ghép Polypropylene 6 nhánh dùng trong niệu khoa	Mảnh ghép 6 nhánh dùng trong niệu khoa: Chất liệu Polypropylene.	13	Miếng
307	Bao chỉ đùi loại dài dùng cho máy VenaFlow Elite-3045.	<ul style="list-style-type: none"> - Bao chỉ đùi (74cm / 29") dùng cho máy ép hơi ngắt quãng VenaFlow Elite. - Bao chỉ làm bằng vải không dệt, không có chất cao su, nên nhẹ, mát và không kích ứng da, dễ mang, tạo sự thoải mái tối đa cho người bệnh. - Bao chỉ được thiết kế đặc biệt có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. - Máy sử dụng bao chỉ cho phép tùy chọn 2 cơ chế nén hơi tạo áp lực: Nén tức thời (nén nhanh), hoặc Nén ngắt quãng tuần tự (nén chậm); tự nhận biết loại bao chỉ đang sử dụng. - Đạt áp lực nén trong thời gian dưới 0,5 giây. - Tạo áp lực đỉnh ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). - Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây. 	65	Đôi
308	Bao chỉ đùi loại ngắn (Gối) dùng cho máy VenaFlow Elite -3045.	<ul style="list-style-type: none"> - Bao chỉ gối (48cm/ 19") sử dụng cho máy ép hơi ngắt quãng VenaFlow Elite - Bao chỉ làm bằng vải không dệt, không có chất cao su, nên nhẹ, mát và không kích ứng da, dễ mang, tạo sự thoải mái tối đa cho người bệnh. - Bao chỉ được thiết kế đặc biệt có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân dưới đầu gối. - Máy sử dụng bao chỉ cho phép tùy chọn 2 cơ chế nén hơi tạo áp lực: Nén tức thời (nén nhanh), hoặc Nén ngắt quãng tuần tự (nén chậm); tự nhận biết loại bao chỉ đang sử dụng. - Đạt áp lực nén trong thời gian dưới 0,5 giây. - Tạo áp lực đỉnh ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). - Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây. - Hoặc tương đương. 	325	Đôi
309	Bao ni lông đựng ống nội soi nhỏ	Nguyên liệu : Nhựa dùng trong y tế, Qui cách : P75x 2m , tiết trùng.	23.790	Cái
310	Bao vải máy monitor 1 vôi.	Bao vải máy monitor 1 vôi phù hợp với máy Philip MX430. GE P40i đang sử dụng tại bệnh viện.	260	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
311	Bao vải máy monitor 2 vôi.	Bao vải máy monitor 2 vôi phù hợp với máy Philip MX430. GE P40i đang sử dụng tại bệnh viện.	260	Cái
312	Bẫy nước của máy gây mê.	Bẫy nước của máy gây mê, tương thích với máy gây mê GE CS620.	260	Cái
313	Bình hút dịch vết thương 30ml có dây và troca	Bình hút dùng để hút dịch vết thương, có dung tích 30ml, dạng nếp gấp, mềm dễ thao tác. Dây hút có lỗ hút xếp theo vị trí xoắn ốc. Kèm troca	1.820	Bình
314	Bình kèm tiếp liệu, sâu 170 x 50mm.	Sản phẩm làm từ thép không rỉ 304, ống đúc. Đường kính ống cắm kèm: 50mm. Đường kính chân đế : 100mm. Độ sâu ống cắm: 170mm. Chiều cao chân đế: 20mm. Sai số kích thước tổng thể: 5%.	65	Cái
315	Bình làm ấm ôxy có nước vô trùng.	Bình nhựa chuẩn y tế chứa sẵn nước tiệt trùng, có nối điều chỉnh lưu lượng khí mà không tạo bọt khí, có van xả áp suất, có chuông báo động.	1.690	Bình
316	Bộ cấy ghép thể hang nhân tạo	Bộ cấy ghép thể hang nhân tạo	26	Bộ
317	Bộ dụng cụ cắt ung thư sớm xuyên thành nội soi tiêu hóa.	Bộ dụng cụ cắt ung thư sớm xuyên thành nội soi tiêu hóa Đường kính cấp: 21mm Chiều sâu cấp: 23mm Bao gồm: kẹp giữ mô, bút đánh dấu, ngàon khâu thùng, thông lượng cắt ung thư sớm	13	Bộ
318	Bộ dụng cụ và thùng toàn thành tiêu hóa	Bộ dụng cụ và thùng toàn thành tiêu hóa 3 loại clip dạng t, a và gc 3 kích thước đầu nối: 11, 12, 14 2 kích thước chiều sâu 3mm, 6mm Bao gồm tay bắn clip và cặp chụp ống soi.	13	Bộ
319	Bộ làm ấm máy giúp thở.	- Nhiệt độ cài đặt: Nhiệt độ từ $\leq 45 - \geq 77^{\circ}\text{C}$ - Tương thích với máy giúp thở R860- GE hiện có ở bệnh viện.	26	Bộ
320	Cảm biến Oxy (Sensor Oxy) của máy Monitor.	Cảm biến SpO ₂ tương thích với monitor của bệnh viện. Gồm đầu nối tương thích, dây cáp mở rộng, dây nối, và đầu cảm biến.	39	Cái
321	Chuông + quả bóp điện tim	Chuông + bo điện tim	5	Bộ
322	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng.	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng, kích cỡ 5F, chiều dài 114 cm, kèm với bộ chọc tĩnh mạch 6F cảm máu tương thích với máy tạo nhịp tạm thời ST. Jude Medical.	7	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
323	Dây đo điện tim của máy Monitor.	Dây cáp điện tim tương thích với các monitor hiện đang có ở Bệnh viện: - Cấu trúc chính bao gồm đầu kết nối tương thích, dây cáp nối, Dây cáp mở rộng, và dây cáp ECG.	65	Cái
324	Dây garo.	Chất liệu: Thun cotton, băng dính 2 đầu, miếng gài bên chấu.	4.199	Sợi
325	Dụng cụ làm ấm, làm ấm không khí cho ống mở khí quản.	Dụng cụ làm ấm làm ấm không khí cho ống mở khí quản, có một công riêng để hút đờm, có khoảng nhỏ ngăn đờm, có van oxy giúp cung cấp một lượng oxy khi cần thở oxy, có màng cellulose trao đổi độ ẩm và ấm.	260	Cái
326	Gel bôi trơn 82g	- Trong suốt, không màu, không mùi. - pH: 5±0,5 - Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. - Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: + Spapyllococcus aureus + Pseudomonas aeruginosa + Enterobacteriaceae.	15.023	Tube
327	Gel siêu âm	Gel hòa tan không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, đảm bảo độ đậm đặc đồng dạng đồng màu, dẫn truyền tin hiệu tốt. Sử dụng với tất cả các loại máy siêu âm	484	Can/5 lit
328	Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật Ống soi mềm	Kích thước: các cỡ - Thiết kế đặc biệt có khả năng hút sỏi trong quá trình tán sỏi nội soi với ưu điểm: + Giảm áp lực thận + Ngăn chặn việc sỏi sỏi + Trường nhìn được cải thiện, cải thiện tầm quan sát.	65	Cái
329	Giấy Siêu âm	Giấy dai, đường kẻ rõ nét, độ dày vừa phải, không quá trơn láng nhưng không quá nhám làm hao mòn kim, dùng kích cỡ, đóng gói kín riêng từng cuộn	96	Cuộn
330	Javel 10%	Javel 10%	3.935	Lít
331	Kẹp giữ mô cho vá thủng thành tiêu hóa.	Kẹp giữ mô cho vá thủng thành tiêu hóa. Chiều dài ≥ 165cm. Dùng kẹp giữ mô tương thích bộ dụng cụ khâu thủng thành tiêu hóa.	4	Cái
332	Khăn lau sát khuẩn.	Khăn lau sát khuẩn chứa 1- propanol, Didecylidimethylammonium chloride	884	Gói/100 miếng
333	Khẩu trang 3 lớp tiết trùng loại buộc dây	Thành phần: Vải không dệt, Giấy lọc, dây cột, gọng nhựa. Đạt tiêu chuẩn quốc gia về khẩu trang y tế: 8389-1:2010 và tiết trùng	312.000	Cái

STT	Danh mục Trang thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
334	Mô vít thủy tinh	Cấu hình: - Phần đầu ống thủy tinh. - Phần đuôi kim loại. Ống soi thân qua da cỡ nhỏ, thị kính gấp góc, cỡ 12 Fr., góc soi 12°, dài 22 cm, hấp tiệt trùng được, 1 kênh làm việc 6.7 Fr. dùng cho dụng cụ tối đa 5 Fr., sử dụng với ống vỏ ngoài, các phụ kiện kèm theo: Dụng cụ dẫn đường Công dụng cụ Nắp đậy, đóng gói 10 cái Đầu nối khóa LUER Đầu nối khóa LUER Đầu nối vệ sinh	5	Cái
335	Ống soi quang học bê thân mini		1	Cái
336	Que nong mạch máu đường kính 0,5mm; dài 240mm.	Que nong mạch máu đường kính 0,5mm; dài 240mm. Chất liệu thép không gỉ.	5	Cái
337	Que nong mạch máu đường kính 1,0mm; dài 240mm.	Que nong mạch máu đường kính 1,0mm; dài 240mm. Chất liệu thép không gỉ.	5	Cái
338	Van thở ra dùng trong máy giúp thở.	Van thở ra dùng trong máy giúp thở GE R860 Để dàng lắp ráp và tháo rời. Độ bền kéo tốt và chống ăn mòn cao, lò xo bằng thép không gỉ. Có thể hấp tiệt trùng ở 121°C hoặc ở 134°C.	18	Cái
339	CO2 khí	CO2 y tế có nồng độ $\geq 99,5\%$	6.630	Kg
340	Oxy khí (chai 0,5m ³ - 2m ³)	Oxy y tế có nồng độ $\geq 99,5\%$	2.449	Chai
341	Oxy khí (chai 6m ³)	Oxy y tế có nồng độ $\geq 99,5\%$	247	Chai
342	Oxy lỏng	Oxy y tế có nồng độ $\geq 99,5\%$	252.860	Kg

